

Số: 150 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 11 tháng 9 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Triển khai “Đề án Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030”

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 61/CT-TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Kế hoạch số 223-KH/TU ngày 01/4/2024 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 22/7/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030”; Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh một số nội dung Đề án “Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án).



Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Đề án như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

1. Kế hoạch cụ thể hoá các nội dung của Đề án, làm cơ sở để các cấp, các ngành, địa phương quán triệt và triển khai kịp thời, có hiệu quả, đúng tiến độ.

2. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án để xây dựng kế hoạch, lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội của các đơn vị, địa phương, tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

## **II. MỤC TIÊU:**

### **1. Mục tiêu chung:**

Xây dựng và phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Gia Lai hiện đại, đồng bộ đảm bảo mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe liên tục và toàn diện, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; tập trung nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Huy động nguồn lực tập trung đầu tư nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế, phát triển y tế chuyên sâu đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân trong địa bàn tỉnh, tỉnh lân cận và khách du lịch. Đảm bảo người dân tại vùng sâu, vùng xa, biên giới và đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Xây dựng hệ thống y tế dự phòng của tỉnh bảo đảm năng lực ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, thảm họa, biến đổi khí hậu, an ninh y tế, đủ khả năng đáp ứng với các đại dịch.

- Phát triển mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng đáp ứng nhu cầu nhân dân. Cùng cố, phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, đầu tư phát triển các lĩnh vực chuyên khoa sâu (Tim mạch, can thiệp tim mạch, Ung bướu, Chấn thương chỉnh hình, Truyền máu và huyết học, Ngoại, Sản, Hồi sức tích cực – chống độc, nội tiết...).

- Đầu tư, nâng cấp và phát triển hệ thống khám chữa bệnh tuyến y tế cơ sở. Đẩy mạnh hoạt động của các trạm y tế xã/phường/thị trấn đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Phấn đấu đến năm 2025, 80% trạm y tế xã thực hiện quản lý, theo dõi sức khỏe cho người dân và đến năm 2030 đạt 100%.

- Đẩy mạnh công tác kết hợp quân - dân y, quan tâm chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng của tỉnh.



- Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư tiêu hao phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; Kịp thời đáp ứng cho các hoạt động phòng chống dịch bệnh, thảm họa trên địa bàn tỉnh. Phát triển hệ thống cung ứng thuốc, không để xảy ra tình trạng thiếu thuốc, vật tư tiêu hao phục vụ điều trị tại các cơ sở y tế. Đẩy mạnh nghiên cứu, nuôi trồng và phát triển nguồn dược liệu tại địa phương.

- Tiếp tục củng cố, đổi mới và phát triển tổ chức, mạng lưới hệ thống kiểm nghiệm, giám định y khoa, giám định pháp y và pháp y tâm thần theo hướng sắp xếp lại, lồng ghép và thu gọn đầu mối nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tập trung nguồn lực đúng theo tinh thần các Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tập trung nâng cấp, đầu tư trang thiết bị và các Labo xét nghiệm đạt chuẩn nhằm nâng cao năng lực kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục củng cố, đổi mới và phát triển tổ chức, mạng lưới các cơ sở làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ dân số, đảm bảo và duy trì 100% trạm y tế xã có cán bộ dân số và duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số tại cộng đồng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, khuyến khích phát triển hệ thống y tế tư nhân. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công tư trong cung ứng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe. Thu hút đầu tư bệnh viện tư nhân, phấn đấu đến năm 2025-2030, số giường bệnh tư nhân chiếm 10-15% tổng số giường bệnh toàn tỉnh.

- Đảm bảo nguồn nhân lực y tế có đủ số lượng theo cơ cấu và chất lượng theo từng lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành.

- Ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực phát triển ngành y tế tỉnh; triển khai các phần mềm quản lý, kết nối liên thông dữ liệu trong lĩnh vực y tế; huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng, thiết bị Công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong việc khám, chữa bệnh và dự báo, giám sát và ứng phó với dịch bệnh.

### **3. Chỉ tiêu phát triển y tế đến năm 2025**

- Tuổi thọ trung bình khoảng 73 tuổi.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số.
- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 95% với 12 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn 22,5‰; dưới 1 tuổi còn 13,5‰.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 28%.
- Phấn đấu trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 95% trạm y tế tuyến xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.



- Đạt 28 giường bệnh viện, 09 bác sĩ, 01 dược sĩ đại học, 20 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 10%. 90% xã có bác sĩ.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 80%.

- Triển khai sổ khám chữa bệnh điện tử cho người dân.

- Các chỉ số sức khỏe phân đầu đạt gần hoặc bằng so với mức chung của cả nước như: Số năm sống khỏe tối thiểu 67 năm; tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 12%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 167 cm, nữ 156 cm. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế giảm còn 35%.

#### **4. Chỉ tiêu phát triển y tế đến năm 2030**

- Tuổi thọ trung bình khoảng 73,5 tuổi.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 97% dân số<sup>1</sup>.

- Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn dưới 20‰; dưới 1 tuổi còn dưới 11‰.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 23%.

- Phân đầu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế tuyến xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 95%.

- Đạt 30 giường bệnh viện trên 10.000 dân. Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%. 100% xã có bác sĩ.

### **III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

#### **1. Nâng cao năng lực quản trị y tế:**

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, chuyển đổi, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo hướng tinh gọn, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, quản trị tiên tiến. Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các đơn vị sự nghiệp y tế trong tỉnh theo từng lĩnh vực nhằm nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ phòng bệnh, chữa bệnh, kiểm soát bệnh tật, năng lực kiểm nghiệm...

- Quan tâm công tác quy hoạch cán bộ của ngành. Rà soát, bổ sung các chức danh chủ chốt của các đơn vị trực thuộc còn thiếu. Cùng cố, kiện toàn một số phòng chuyên môn của Sở Y tế để nâng cao chất lượng công tác tham mưu.

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.



- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng về quản lý kinh tế y tế, tài chính y tế, quản trị bệnh viện cho lãnh đạo và cán bộ chủ chốt các đơn vị.

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế để hoàn thiện, đồng bộ thể chế, trong lĩnh vực khám chữa bệnh, dược, trang thiết bị y tế, thu hút nhân lực và nguồn lực đầu tư<sup>2</sup>.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính. Hàng năm tiến hành rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bãi bỏ một số thủ tục hành chính theo hướng có lợi cho người dân và phù hợp với quy định của pháp luật. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành y tế.

- Tăng cường kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ. Thanh tra Sở Y tế hàng năm tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong ngành (*thực hiện giờ giấc làm việc; tinh thần, thái độ phục vụ; cải cách thủ tục hành chính; thực hiện chính sách pháp luật về BHYT; hành nghề y, dược tư nhân...*). Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên công chức, viên chức, người lao động vượt khó, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế và bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành từ tỉnh tới huyện, xã và thôn làng, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp. Tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Phát triển mạnh hệ thống cấp cứu tại cộng đồng và trước khi vào bệnh viện. Tập trung phát triển hoàn thiện các bệnh viện tuyến tỉnh. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

- Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức, bộ máy và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ thường trực Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh từ Phòng khám - quản lý sức khỏe thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh về Sở Y tế đảm nhận. Bệnh viện Đa khoa tỉnh thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; đồng thời chuyển giao chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh về Bệnh viện Đa khoa tỉnh quản lý, đảm nhận.

<sup>2</sup> Trong năm 2024 đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết: Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT nhưng không phải là đối tượng khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Gia Lai quản lý (theo Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế);

Đang tham mưu xây dựng 02 Nghị quyết: (1) Quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030; (2) Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản; Cô đỡ thôn bản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.



## **2. Tăng cường đầu tư và nâng cao năng lực ứng phó với dịch bệnh, đổi mới y tế cơ sở, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu:**

### **2.1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:**

- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế dự phòng, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh. Bảo đảm an ninh y tế, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, các tình huống khẩn cấp, đủ khả năng đáp ứng với các đại dịch. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động dự phòng tuyến huyện và trạm y tế tuyến xã, tập trung vào các nhiệm vụ chính thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Triển khai tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; chủ động dự báo, phát hiện sớm, không chế kịp thời, không để dịch bệnh xảy ra trên diện rộng. Giám sát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch truyền nhiễm tại Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, không để dịch bệnh xâm nhập vào tỉnh Gia Lai. Kiểm soát tình trạng lao và sốt rét kháng thuốc, can thiệp đặc hiệu phòng chống lao, sốt rét ở các địa bàn vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Củng cố hệ thống tiêm chủng mở rộng, trong đó có hoạt động tiêm chủng dịch vụ.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (chuyên thành nhiệm vụ thường xuyên của ngân sách địa phương); các dự án/tiểu dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Trong đó lưu ý việc triển khai các nội dung thuộc Dự án 7 Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi và Tiểu Dự án 2-“Cải thiện dinh dưỡng” thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường phát hiện, quản lý, dự phòng nhiễm HIV và nâng chất lượng dịch vụ chăm sóc, điều trị HIV. Triển khai đồng bộ các hoạt động dự phòng, giám sát, phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính. Nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đảm bảo đến năm 2025 có 95% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm và năm 2030 là 100%. Tiếp tục duy trì các hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng; chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh; phòng chống tác hại thuốc lá; chăm sóc sức khỏe người lao động; truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và thực hiện nghiêm các quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; củng cố hệ thống cảnh báo, phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Triển khai có hiệu quả Chương trình số 40-CTr/TU ngày 24/4/2017 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Kết luận số 11-KL/TW, ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới.



- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đảm bảo cung ứng các hóa chất, sản phẩm y sinh học, bảo quản vắc xin phòng bệnh có chất lượng phục vụ cho phòng bệnh và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tăng cường công tác phòng, chống các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm. Thực hiện luân phiên bác sĩ tuyến huyện và tuyến xã<sup>3</sup>.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở trong tình hình mới. Phân đầu đến năm 2025 có 95% xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế và 100% vào năm 2030. Tỷ lệ thôn, làng có nhân viên y tế đến năm 2025 là 100%.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức y khoa liên tục cho cán bộ y tế cơ sở theo Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế, nhất là cán bộ của các trạm y tế tuyến xã. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông, ứng xử, giao tiếp văn minh cho đội ngũ cán bộ y tế cơ sở.

- Thực hiện thống nhất mô hình tổ chức, quản lý đối với Trung tâm y tế cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý toàn diện (theo chủ trương thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới).

#### ***Đối với y tế tuyến xã:***

a) Xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình cùng làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn. Thời gian thực hiện từ năm 2025.

b) Phân đầu đến năm 2030, mỗi trạm y tế có ít nhất một bác sĩ cơ hữu.

c) Hàng năm tổ chức các đợt thẩm định xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế, ngoài việc trình công nhận xã đạt tiêu chí, qua đó sẽ củng cố, hướng dẫn chuyên môn, sắp xếp dây chuyền hoạt động... sao cho hoạt động hiệu quả.

d) Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng 18 trạm y tế từ nguồn vốn của Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), thời gian hoàn thành vào năm 2025. Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế thiết yếu cho Trung tâm Y tế huyện Kông Chro; thời gian hoàn thành năm 2025.

e) Từ năm 2025 trở đi sẽ triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, quản lý thông tin y tế cơ sở, quản lý tiêm chủng,

<sup>3</sup> Thực hiện luân phiên hai chiều: Các bác sĩ của trung tâm y tế huyện luân phiên 02 ngày/tuần xuống các xã vùng 3 (chưa có Bác sĩ hoặc bác sĩ trẻ mới ra trường) để khám chữa bệnh cho nhân dân và hướng dẫn thực hành cho các cán bộ y tế tại chỗ. Các bác sĩ của trạm y tế luân phiên 01 tuần/quý lên trung tâm y tế huyện để được đào tạo nâng cao và chuyển giao kỹ thuật.



quản lý bệnh tật; thiết lập hệ thống số sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe người dân.

f) Từ năm 2026 trở đi, cơ bản đảm bảo các trạm y tế đều được xây dựng kiên cố và được trang bị các phương tiện/thiết bị cơ bản phục vụ cho hoạt động của trạm theo phân vùng y tế. Quan tâm và ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các xã vùng khó khăn của tỉnh, đặc biệt là các xã có cự ly xa so với bệnh viện/trung tâm y tế để đảm bảo điều kiện thực hiện được các sơ cấp cứu ban đầu và điều trị một số bệnh cơ bản. Cụ thể: (1) Về nhân lực đảm bảo đầy đủ các chức danh cho trạm y tế và phải có bác sĩ; (2) Về trang thiết bị đảm bảo đầy đủ danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế tuyến xã theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế (*chi tiết tại Phụ lục 2*).

Qua rà soát hiện trạng các trạm y tế trên địa bàn tỉnh tỉnh, hiện có khoảng 54 xã có khoảng cách đi lại không đảm bảo tiêu chí về tiếp cận dịch vụ y tế (*chi tiết tại Phụ lục 3*). Trong đó: 45 xã có bác sĩ định biên (cần bổ sung 09 bác sĩ); tất cả các trạm cần được bổ sung trang thiết bị tối thiểu đầy đủ theo danh mục quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế; 07 trạm cần sửa chữa và 11 trạm cần xây mới (trong đó 08 trạm đã có dự án). Giải pháp thực hiện như sau:

- Về trang thiết bị cho trạm y tế: Trung tâm y tế huyện rà soát và đề xuất mua sắm bổ sung từ nguồn kinh phí không thường xuyên hàng năm.

- Về cơ sở vật chất: Các trạm cần sửa chữa sử dụng nguồn kinh phí không thường xuyên hàng năm; các trạm cần xây mới mà chưa có dự án: Đưa và danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (ngoài các trạm trong kế hoạch đầu tư nói trên, qua rà soát của các huyện thì hiện có khoảng 30 trạm y tế cần phải đầu tư trong giai đoạn đến năm 2030 do hiện đang xuống cấp<sup>4</sup>).

- Về nhân lực bác sĩ bổ sung cho trạm y tế:

+ Triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành y tế hàng năm, ưu tiên tuyển dụng bác sĩ học theo chế độ cử tuyển, địa chỉ để bổ sung cho trạm y tế xã. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích y sĩ ở các trạm y tế đi học liên thông để nâng cao trình độ chuyên môn: Toàn tỉnh hiện có 305 y sĩ đang công tác tại các trạm y tế xã, trong đó có khoảng 129 người có nhu cầu và khả năng đi học liên thông bác sĩ theo chế độ cử tuyển (*chi tiết tại Phụ lục 4*). Sở Y tế chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và đào tạo và Sở Tài chính tham mưu cấp thẩm quyền về chỉ tiêu, xét tuyển và Hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục để

<sup>4</sup> Trạm Y tế xã An Thành huyện Đak Pơ; Trạm Y tế xã Ia Ake huyện Phú Thiện; 02 Trạm Y tế: xã Đak Krong và xã G'Lar thuộc huyện Đak Đoa; 03 Trạm Y tế: TT Nhơn hòa; Xã Ia Hru, xã Ia Blư thuộc huyện Chư Puh; 02 Trạm Y tế: xã Đăk trôi và Thị trấn Kon Dơng thuộc huyện Mang Yang; 02 Trạm Y tế: P Hòa bình; P Đoàn Kết thuộc TX Ayun Pa; 03 Trạm Y tế: P An Phú; xã Cửu An; xã Tú An thuộc thị xã An Khê; 03 Trạm Y tế Xã: Đông, Sơ Pai, Krong thuộc huyện KBang; 06 Trạm Y tế: P Yên Thế; P Thống Nhất; P Tây Sơn; P Đông Đa; P Thắng Lợi; xã Biển Hồ TP Pleikú; 06 trạm y tế: Đăk Pơ Pho, Đăk Song, Chơ Glong, Ya Ma, Đăk Kơ Ning và Đăk Tơ Pang thuộc huyện Kong Chro và Trạm Y tế xã Ia Tul thuộc huyện Ia Pa.



thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định về đặt hàng đào tạo và bố trí ngân sách thực hiện. Thực hiện từ năm 2025.

+ Xây dựng các chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo, quan tâm nhiều đến đời sống vật chất, tinh thần cho các bác sĩ khi làm việc tại địa phương nhằm giữ chân các bác sĩ công tác tại trạm y tế lâu dài; đồng thời tinh cần tăng cường đào tạo bác sĩ cử tuyển cam kết về phục vụ lâu dài tại các trạm y tế xã. Thực hiện từ năm 2025.

- Về nhân lực y tế thôn bản:

+ Sở Y tế có trách nhiệm làm đầu mối phối hợp với các Sở, ban, ngành, các cơ quan có liên quan trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nguồn kinh phí hợp pháp và mức hỗ trợ hằng tháng theo các quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố cho Nhân viên y tế thôn bản, Cô đỡ thôn bản. Thực hiện từ năm 2025.

+ Sở Y tế phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính tham mưu trình cấp thẩm quyền về chỉ tiêu, xét tuyển và Hợp đồng đào tạo với Trường Cao đẳng Gia Lai để thực hiện đào tạo nhân viên y tế thôn bản. Dự kiến khoảng 20 lớp đào tạo nhân viên y tế thôn bản với khoảng 800 người. Thực hiện từ năm 2025.

2.2. Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh: Hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng có hiệu quả các công trình y tế, đặc biệt là việc đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ và 59 trạm y tế để hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho hệ thống y tế cơ sở và dự phòng<sup>5</sup>.

2.3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Thực hiện thống nhất trung tâm y tế cấp huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện<sup>6</sup>, thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương.

2.4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Triển khai tốt công tác bảo vệ sức khỏe người lao động; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; an toàn lao động; phòng, chống đuối nước trẻ em; cai nghiện ma túy.

2.5. Sở Công thương: Phối hợp với các sở, ngành trong công tác phòng chống sản xuất, kinh doanh hàng giả, gian lận thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh

<sup>5</sup> Từ nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế. Đang thi công, dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2024.

<sup>6</sup> Theo tinh thần Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở trong tình hình mới và Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.



thực phẩm thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về dinh dưỡng, tăng cường bổ sung vi chất dinh dưỡng vào các sản phẩm thực phẩm.

2.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn quản lý chặt chẽ việc kinh doanh, sử dụng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; hạn chế tình trạng lạm dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp và chất cấm trong chăn nuôi. Triển khai thực hiện các chương trình, đề án và vận động người dân thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường nông thôn, được tiếp cận sử dụng nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm; tiêm phòng vắc xin đại cho đàn chó, mèo; hướng dẫn thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, tiêu hủy động vật mắc bệnh. Phối hợp lồng ghép triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2.7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khỏe. Rà soát đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các chương trình, đề án xử lý chất thải; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các dòng sông, các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp.

2.8. Sở Xây dựng: Rà soát một số nhiệm vụ cấp nước, thoát nước, quy hoạch hạ tầng xã hội thuộc phạm vi quản lý, quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng.

2.9. Sở Giao thông vận tải: Triển khai các giải pháp để bảo đảm vệ sinh môi trường trên các phương tiện vận tải. Phát triển hạ tầng giao thông, sử dụng công nghệ tiên tiến trong kiểm soát, quản lý hệ thống giao thông đường bộ.

2.10. Ban an toàn giao thông tỉnh; Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh: Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống thảm họa, bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2.11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo và triển khai thực hiện các chương trình, đề án và các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến nâng cao sức khỏe tại địa phương. Quan tâm, tạo điều kiện để mỗi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện quản lý nhà nước Trung tâm y tế khi được chuyển giao theo quy định.

2.12. Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố:

Phối hợp chặt chẽ với phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế và các phòng, ban chuyên môn có liên quan của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án để đạt kết quả tốt trên địa bàn. Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch để duy trì Chuẩn quốc gia theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo quy định hiện hành của Bộ Y tế, nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại địa phương; phối hợp với các ngành liên quan của tỉnh, huyện để thực hiện các dự án có liên quan đến địa phương, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và hiệu quả cao.



2.13. Các Sở, ban, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ trong công tác Phòng, chống bệnh dại theo nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về phòng, chống bệnh Dại trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2030<sup>7</sup>; phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các giải pháp phòng, chống các bệnh lây truyền chung giữa động vật và người.

### **3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh:**

3.1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

- Chỉ đạo các đơn vị điều trị nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh; yêu cầu bác sĩ và nhân viên y tế trong toàn ngành cần nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, người bệnh trong khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập. Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính về khám chữa bệnh, từng bước hoàn thiện quy trình khám chữa bệnh và kết nối liên thông về giám định, thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT nhằm giảm bớt thời gian cho người bệnh. Phối hợp với BHXH tỉnh tổ chức kiểm tra công tác khám chữa bệnh BHYT tại cơ sở khám chữa bệnh, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT, đảm bảo sử dụng quỹ BHYT hợp lý, hiệu quả.

- Triển khai thực hiện việc thanh toán các chi phí khám chữa bệnh không dùng tiền mặt; phối hợp với các ngân hàng tổ chức lắp đặt các thiết bị chấp nhận thẻ thanh toán tại các cơ sở y tế để phục vụ thanh toán chi phí khám chữa bệnh được nhanh chóng, thuận lợi và tiết kiệm thời gian cho người dân.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý đầu tư phát triển kỹ thuật, đảm bảo đến năm 2030, có 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện được hầu hết các kỹ thuật theo danh mục phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế; đồng thời phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao trong khám, chữa bệnh tại bệnh viện tuyến tỉnh.

- Cùng với việc nâng giường bệnh kế hoạch, trang thiết bị của các cơ sở y tế cần được đầu tư đủ theo phân tuyến kỹ thuật và đảm bảo tuyến tỉnh đạt 100%, tuyến huyện đạt 90%, tuyến xã đạt 85% danh mục trang thiết bị theo quy định của Bộ Y tế. 100% cơ sở khám chữa bệnh có hệ thống xử lý chất thải y tế hoặc được xử lý chất thải y tế theo cụm<sup>8</sup>.

- Đến năm 2030, các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện từng bước hoàn thiện và nâng cấp về mọi mặt theo các tiêu chí về phân hạng bệnh viện.

<sup>7</sup> Mục tiêu: 100% các huyện, thị xã, thành phố có điểm tiêm vắc xin Dại và huyết thanh kháng dại cho người; 100% các huyện, thị xã, thành phố thực hiện truyền thông nguy cơ và nâng cao nhận thức về bệnh Dại ở cộng đồng, trường học; 100% số người tiêm vắc xin phòng bệnh Dại do động vật cắn được báo cáo qua hệ thống báo cáo quốc gia; 90% số người bị phơi nhiễm với bệnh Dại được điều trị dự phòng sau phơi nhiễm. Đến năm 2025, Gia Lai là tỉnh không còn nguy cơ cao về bệnh Dại trên người; đến năm 2027 là tỉnh không còn nguy cơ trung bình về bệnh Dại trên người. Phần đầu không còn người tử vong vì bệnh Dại vào năm 2030.

<sup>8</sup> Theo Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Gia Lai



Đảm bảo đến năm 2025-2030, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt Bệnh viện hạng I, một số đơn vị tuyến huyện và tuyến tỉnh khác phấn đấu đạt hạng II.

- Nâng cao năng lực của bệnh viện trong chuẩn bị và ứng phó với dịch bệnh về cơ sở hạ tầng và các nguồn lực cần thiết, đồng thời đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân. Tập trung đầu tư phát triển một số trung tâm hồi sức tích cực. Trong giai đoạn đến năm 2030, cần khuyến khích các phòng khám tư nhân đầu tư, nâng cấp thành các phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

- Về cấp cứu trong và ngoài bệnh viện: Đầu tư nâng cấp khoa Hồi sức tích cực - Chống độc của Bệnh viện Đa khoa tỉnh; các bệnh viện chuyên khoa theo chức năng nhiệm vụ và đặc thù chuyên khoa bố trí và xây dựng khoa Cấp cứu, Hồi sức tích cực cho phù hợp nhằm đảm bảo tốt nhất công tác cấp cứu người bệnh. 100% Trung tâm y tế huyện xây dựng, hoàn thiện khoa Hồi sức cấp cứu và có các đội vận chuyển, cấp cứu lưu động ngoại viện sẵn sàng hỗ trợ cho tuyến dưới trong các tình huống khẩn cấp, thiên tai, thảm họa. Khuyến khích, tạo điều kiện tối ưu cho các tổ chức, cá nhân phát triển cơ sở dịch vụ vận chuyển cấp cứu bệnh nhân hoạt động theo đúng quy định.

- Phát huy lợi thế và kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại trong hoạt động khám chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030.

- Chi đạo triển khai Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 theo đúng quy định. Duy trì và mở rộng hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội và một số tỉnh, thành trong khám chữa bệnh, chuyển giao kỹ thuật.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, mở rộng quy mô giường bệnh nhằm củng cố, tăng cường năng lực cho các cơ sở khám, chữa bệnh để có đủ khả năng giải quyết một cách cơ bản nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân:

### 3.1.1. Đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh:

a) Đầu tư hoàn thiện và phát triển quy mô thành bệnh viện hạng I trên nền tảng hạ tầng cơ sở hiện có, đạt tiêu chuẩn là một bệnh viện chuyên sâu và là đơn vị điều trị tuyến cuối của tỉnh. Cụ thể:

- Nâng cấp, mở rộng quy mô giường bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh với quy mô 1.000 giường vào năm 2025 và 1.200 giường vào năm 2030. Phát triển và mở rộng một số chuyên khoa sâu với các mũi nhọn chuyên khoa: Ung thư, Tim mạch, Huyết học và Truyền máu, Nội tiết... Đầu tư nâng cấp khoa Hồi sức tích cực - Chống độc.

- Nâng cấp, phát triển các Khoa Ung bướu, Tim mạch (về cơ sở hạ tầng,



nhân lực, thiết bị), hoàn thành chậm nhất vào Quý II năm 2026<sup>9</sup>. Triển khai dự án Khu xạ trị và trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa tỉnh<sup>10</sup>.

- Xây dựng Trung tâm Huyết học và Truyền máu nằm trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh thực hiện cung cấp máu, các sản phẩm từ máu và điều trị các bệnh liên quan đến máu cho người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận, hoàn thành muộn nhất vào năm 2030.

- Chuyển toàn bộ Khoa sản sang Bệnh viện Nhi tỉnh để thành lập Bệnh viện Sản Nhi sau khi hoàn thành việc xây dựng Khối phụ sản Bệnh viện Nhi (dự kiến vào năm 2026).

- Tổ chức tuyển dụng các trường hợp có trình độ đại học đang hợp đồng tại Bệnh viện (ưu tiên đối tượng là bác sĩ); tuyển dụng thêm nhân lực và sớm đào tạo theo kế hoạch triển khai các chuyên khoa theo đề án Đề án phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh đến năm 2030 (đơn vị đã xây dựng). Thực hiện tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy; xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh theo các văn bản của Trung ương và của tỉnh.

#### b) Nguồn lực đầu tư:

b1. Về đầu tư một số hạng mục cấp bách trước mắt cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh trong năm 2024-2025:

- Về nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng Bệnh viện Đa khoa tỉnh:

+ Hạng mục đầu tư, sửa chữa cơ sở hạ tầng thuộc công trình Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã xuống cấp, cấp thiết: Khu B và khu C<sup>11</sup>. Nguồn vốn: bố trí vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách tỉnh: 44 tỷ đồng. Thời gian hoàn thành: Năm 2025.

+ Hạng mục sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để sửa chữa: Tổng kinh phí: 39,5 tỷ đồng; sử dụng vốn sự nghiệp trong giai đoạn 2024, 2025, 2026 (riêng trong năm 2024 đã bố trí 15 tỷ đồng).

- Về mua sắm trang thiết bị cấp thiết: Tổng kinh phí: 62,330 tỷ đồng; sử dụng vốn sự nghiệp trong giai đoạn 2024, 2025 (riêng trong năm 2024 đã bố trí 28 tỷ đồng).

<sup>9</sup> Sau thời gian này, tùy theo tình hình thực tế về quy mô dân số, mô hình bệnh tật, yêu cầu điều trị có thể tiến tới thành lập Bệnh viện Ung bướu, Trung tâm Tim mạch; thành lập Khoa Nội tiết với quy mô từ 100 giường trở lên để đáp ứng nhu cầu điều trị các bệnh không lây nhiễm tại tỉnh.

<sup>10</sup> Theo Nghị quyết số 373/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu xạ trị và trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

<sup>11</sup> Nâng cấp, cải tạo khối nhà khu B (gồm: Khoa Gây mê hồi sức, Khám, Chẩn đoán hình ảnh, Nội soi, Huyết học truyền máu, Sinh hóa, Vi sinh, Giải phẫu bệnh). Nâng cấp, cải tạo khối nhà khu C (gồm: Khoa Hồi sức tích cực chống độc, Ngoại Tổng hợp, Ngoại Chấn thương chỉnh hình – Bông, Ngoại Thần kinh – Sọ não, Sản, Nội Tổng hợp, Ung bướu, Tim mạch, Phẫu thuật thần kinh cột sống, Tai mũi họng, Mắt). Chủ trương đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết số 343/NQ-HĐND ngày 06/5/2024 của HĐND tỉnh



- Về kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin (chuyển đổi số): Tổng kinh phí 19 tỷ đồng; sử dụng vốn sự nghiệp trong giai đoạn 2024, 2025, 2026 (riêng trong năm 2024 đã bố trí 06 tỷ đồng).

b2. Giai đoạn 2026-2030: Dự kiến trình cấp có thẩm quyền kinh phí bố trí khoảng 500 tỷ đồng (trong đó: Vốn đầu tư công 300 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 200 tỷ đồng).

3.1.2. Đầu tư kiện toàn Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN thành Bệnh viện Y dược cổ truyền – PHCN và Điều dưỡng; phát triển các dịch vụ chăm sóc điều dưỡng, thành lập các Trung tâm điều dưỡng thuộc Bệnh viện tại các khu du lịch sinh thái của tỉnh. Hoàn thành muộn nhất đến năm 2030.

3.1.3. Đối với các bệnh viện tuyến tỉnh còn lại:

- Trong năm 2025, thực hiện lập thủ tục đổi tên Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành Bệnh viện Phổi nhằm tập trung hơn nữa vào chuyên khoa sâu về các bệnh phổi.

- Khởi công xây dựng Khối phụ sản của Bệnh viện Nhi quy mô 200 giường tại khuôn viên Bệnh viện Nhi (khởi công-hoàn thành: 2024-2026; nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)<sup>12</sup>; trình cấp thẩm quyền thành lập Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Gia Lai;

- Đầu tư xây dựng Bệnh viện 331 thành Bệnh viện đa khoa, quy mô tối thiểu 150 giường, định hướng phát triển mũi nhọn về các chuyên khoa Tai Mũi Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt (nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp)<sup>13</sup>. Thời gian thực hiện – hoàn thành: 2025-2027.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị kỹ thuật cao cho Bệnh viện Tâm thần kinh (vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030).

3.1.4. Từ năm 2026- 2030 sẽ triển khai các kế hoạch để thành lập bệnh viện vùng tại thị xã An Khê và bệnh viện vùng tại thị xã Ayun Pa, thuộc tuyến tỉnh (thực hiện chức năng khám chữa bệnh) trên cơ sở đầu tư nâng cấp cơ sở điều trị của Trung tâm y tế hiện tại. Ngoài ra vẫn duy trì Trung tâm y tế thị xã thực hiện chức năng y tế dự phòng, dân số-KHHGĐ... Giai đoạn 2024-2025, tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất từ nguồn vốn chi không thường xuyên ngân sách tỉnh và giai đoạn 2026-2030 bổ sung một số hạng mục đầu tư công để đủ điều kiện lên bệnh viện vùng theo quy hoạch và lộ trình thực hiện đề án<sup>14</sup>.

<sup>12</sup> Theo Nghị quyết số 384/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

<sup>13</sup> Theo Nghị quyết số 372/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Gia Lai và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Gia Lai.

<sup>14</sup> Nâng cấp, đầu tư mở rộng Trung tâm Y tế thị xã An Khê thành Bệnh viện vùng Đông Gia Lai với quy mô tối thiểu 300 giường bệnh; nâng cấp, đầu tư mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa thành Bệnh viện vùng Nam Gia Lai với quy mô tối thiểu 200 giường bệnh nhằm đáp ứng tốt hơn khả năng thu dung điều trị bệnh nhân tại các huyện vùng Đông và Nam Gia Lai.



3.1.5. Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa thành phố Pleiku theo kế hoạch của tỉnh, quy mô 300-350 giường bệnh (địa điểm xây dựng dự kiến tại xã Diên Phú; thời gian dự kiến sau năm 2025).

3.1.6. Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế thiết yếu cho Trung tâm Y tế huyện Kông Chro<sup>15</sup>; hoàn thành vào năm 2025.

3.1.7. Các Trung tâm y tế tuyến huyện còn lại:

- Ngoài việc tách hệ điều trị của Trung tâm Y tế thị xã An Khê và Ayun Pa để thành lập các bệnh viện vùng, các đơn vị còn lại vẫn giữ nguyên mô hình Trung tâm y tế thực hiện đa chức năng như hiện nay.

- Năm 2024-2025 xem xét tăng quy mô giường bệnh cho các đơn vị có công suất sử dụng giường bệnh trên 100%. Sau năm 2025, căn cứ theo thực tiễn mô hình bệnh tật, quy mô dân số, nhu cầu điều trị để nâng quy mô giường bệnh cho phù hợp.

- Giai đoạn 2026-2030 tiếp tục đầu tư nâng cấp và bổ sung trang thiết bị cho các Trung tâm y tế tuyến huyện từ các nguồn vốn (theo phụ lục 1 kèm theo kế hoạch).

3.1.8. Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Khu vực tam giác phát triển tại Gia Lai với quy mô 1000 giường, tập trung phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh tại chỗ cho người dân trong tỉnh, đồng thời thu hút và đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân thuộc các tỉnh trong khu vực Tam giác phát triển; thời gian thực hiện sau năm 2026<sup>16</sup>.

3.1.9. Đối với hệ điều trị ngoài công lập: Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các bệnh viện tư nhân trong hoạt động khám chữa bệnh, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tập trung vào các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị khám chữa bệnh với công nghệ hiện đại. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập các bệnh viện tư nhân chất lượng cao, bệnh viện chuyên khoa, phòng khám đa khoa, chuyên khoa, các phòng chẩn trị y học dân tộc; các công ty cung ứng thuốc, vật tư, hoá chất...

3.2. Về trách nhiệm của các Sở, ngành khác:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan cân đối vốn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị y tế trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt; đồng thời hướng dẫn ngành y tế và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế

<sup>15</sup> Từ nguồn vốn của Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Dự án 7) thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; hiện đang triển khai thực hiện.

<sup>16</sup> Chủ trương theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Thông báo số 828-TB/TU ngày 05 tháng 7 năm 2024 thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh một số nội dung Đề án "Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030"



hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án y tế theo Đề án Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030 và Kế hoạch này.

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán ngân sách theo quy định của Nhà nước; bảo đảm nguồn ngân sách cấp cho y tế theo kế hoạch của đề án. Phối hợp với Sở Y tế cân đối ngân sách toàn ngành cho lĩnh vực ưu tiên trong đề án.

- Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, tham mưu tổ chức thực hiện các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân lực ngành y tế của tỉnh hàng năm và giai đoạn.

- Các Sở, ban, ngành có liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch này, theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Y tế để tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế:

+ Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa các thủ tục trong khám, chữa bệnh; không ngừng đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế; nâng cao ý thức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, phát triển các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong lĩnh vực lâm sàng và cận lâm sàng.

+ Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vắc xin, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế, máu và chế phẩm máu phục vụ cho công tác khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh cũng như khi có thiên tai xảy ra. Tăng cường quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị hợp lý, an toàn và hiệu quả; khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế.

+ Riêng đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh: Tiếp tục hoàn thiện các Kế hoạch, Đề án phát triển bệnh viện trong thời gian đến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các nội dung vượt thẩm quyền. Tập trung vào các nội dung trọng tâm như: Tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy; Đầu tư nâng cấp mở rộng cơ sở hạ tầng và bổ sung trang thiết bị hiện đại; Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Cải thiện chất lượng dịch vụ y tế và quy trình chăm sóc bệnh nhân. Trong đó có việc mở rộng các chuyên khoa và dịch vụ y tế; đổi mới cơ chế hoạt động tài chính; đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Tăng cường hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm...

#### **4. Công tác dân số và phát triển:**

4.1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới dịch vụ dân số, kế hoạch hoá gia đình, trong đó các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các dịch vụ



dân số, kế hoạch hoá gia đình và các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ cơ bản về dân số, kế hoạch hoá gia đình.

- Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khoẻ tiền hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác giữa các cơ sở cung cấp dịch vụ dân số công lập và ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới người sử dụng.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức tương đối cân bằng, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bổ dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

- Phát triển mạnh chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế, khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hoá, giải trí của người cao tuổi. Tổ chức đào tạo, tập huấn về chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch về chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng, thực hiện quản lý sức khoẻ và kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

#### 4.2. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản trong và ngoài nhà trường; hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khoẻ sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình thể dục, thể thao, rèn luyện nâng cao sức khoẻ, thể lực và tầm vóc. Đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý, tăng số môn tập luyện, tự chọn trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với tập luyện ngoài nhà trường. Phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thể chất.

4.3. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở, thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về thực hành bình đẳng giới, không phân biệt nam - nữ, con trai - con gái; chuyển đổi hành vi gây mất cân bằng giới tính khi sinh.

4.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của tỉnh.

4.5. Sở Tài chính: Bảo đảm cân đối đủ nguồn kinh phí ngân sách cho các nội dung công tác dân số phát triển.

4.6. Cục Thống kê tỉnh: Phối hợp với Sở Y tế lồng ghép các chỉ tiêu dân số vào các cuộc điều tra hằng năm, giữa kỳ và Tổng điều tra dân số; chỉ đạo cơ



quan thống kê cấp huyện, thường xuyên rà soát, đối chiếu thông tin biến động dân số ở cơ sở với cơ quan y tế cấp huyện, xã phường, thị trấn.

#### 4.7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Tăng cường phổ biến, quán triệt các chương trình, kế hoạch, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác dân số; đặc biệt là Chương trình hành động số 61/CT-TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân số, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định, chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; lồng ghép công tác dân số với công tác gia đình, hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch và thiết chế văn hoá cơ sở.

- Triển khai phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có không quá hai con, giảm sinh tại các huyện, thị xã, thành phố có mức sinh cao, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khoẻ và đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Phát huy tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chính sách, pháp luật về dân số và bình đẳng giới.

### 5. Phát triển sản xuất, cung ứng thuốc, vật tư:

#### 5.1. Sở Y tế:

- Chỉ đạo tổ chức đấu thầu thuốc theo đúng quy định của pháp luật để chủ động nguồn cung ứng thuốc cho các đơn vị y tế trong toàn tỉnh. Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở kinh doanh thuốc thực hiện tốt GPs, hướng đến năm 2025 tất cả các cơ sở kinh doanh thuốc đều đạt GPs. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vắc xin, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế, máu và chế phẩm máu phục vụ khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh cũng như khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc khi đưa vào sử dụng. Quản lý, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Tăng cường quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị hợp lý, an toàn và hiệu quả; khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế.

- Phát triển mạng lưới cung ứng thuốc phù hợp với nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng khả năng tiếp cận của người sử dụng, các cơ sở y tế đảm bảo cung ứng đủ thuốc cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân với chất lượng đảm bảo, an toàn và giá cả hợp lý.

- Khuyến khích phát triển và đa dạng hoá các loại hình doanh nghiệp



được. Đầu tư mở rộng các loại hình sản xuất, kinh doanh phân phối thuốc trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng đủ nhu cầu thuốc phục vụ khám chữa bệnh cho các cơ sở y tế trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

- Đầu tư, nâng cấp và kiện toàn hệ thống kiểm nghiệm tỉnh Gia Lai.

5.2. Sở Công Thương: Phối hợp với các đơn vị có liên quan đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng giả, kém chất lượng, kiểm soát chặt chẽ thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế giả và hàng hoá có nguy cơ gây hại cho sức khoẻ.

5.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phát triển, quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn dược liệu trồng và tự nhiên có tại tỉnh phục vụ mục tiêu khám chữa bệnh và kinh tế; chú trọng việc bảo hộ, bảo tồn và phát triển nguồn gen dược liệu quý có giá trị. Quy hoạch các vùng rừng, các vùng dược liệu tự nhiên ở một số huyện như KBang, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Păh, Krông Pa, Kông Chro, Ia Grai, Chư Sê, Chư Pưh để lựa chọn và khai thác hợp lý các loài dược liệu đặc hữu của tỉnh Gia Lai như Mật nhân, Sa nhân tím, Vàng đắng, Hà thủ ô đỏ, Sâm dây... Phát triển, quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn dược liệu trồng và tự nhiên có tại tỉnh phục vụ mục tiêu khám chữa bệnh và kinh tế.

## **6. Phát triển nguồn nhân lực y tế:**

### **6.1. Chỉ tiêu về phát triển nhân lực đến năm 2030:**

#### *6.1.1. Các chỉ tiêu chung:*

- Về chỉ tiêu bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng: Đến năm 2025: Đạt 09 bác sĩ; 01 dược sĩ đại học và 20 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Đến năm 2030: Đạt 10 bác sĩ; 1,5 dược sĩ đại học và 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân.

- 100% tổng số điều dưỡng có trình độ cao đẳng và đại học.

- Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh có trên 60% tổng số các trưởng, phó khoa có trình độ chuyên khoa cấp II và tương đương.

- Các chuyên khoa tim mạch, nhi, chấn thương chỉnh hình có đủ bác sĩ làm việc, trong đó có ít nhất 50% tổng số bác sĩ có trình độ chuyên khoa cấp I, cấp II và tương đương.

- Mỗi bệnh viện huyện có ít nhất 07 bác sĩ chuyên khoa cấp I thuộc các chuyên ngành chủ yếu, bao gồm Hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa và truyền nhiễm.

- 100% các trạm y tế xã có bác sĩ hoạt động, có hộ sinh hoặc y sỹ sản, nhi. Có đủ vị trí việc làm theo Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế xã, phường, thị trấn.



- 100% lãnh đạo các bệnh viện được đào tạo và cấp chứng chỉ về quản lý bệnh viện.

- Mức gia tăng trung bình mỗi năm về số lượng cho cả đào tạo mới và đào tạo liên tục đạt 120-150%.

#### 6.1.2. Chi tiêu về nhân lực đối với một số chuyên khoa:

##### a) Chuyên khoa nội, ngoại, sản, nhi, truyền nhiễm:

- 50% tổng số bác sĩ làm việc tại các Bệnh viện Nhi, Khoa Nhi được đào tạo chuyên ngành nhi;

- 50% tổng số điều dưỡng làm việc tại các cơ sở nhi khoa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên khoa nhi;

- 100% bệnh viện tuyến huyện, có ít nhất 01 bác sĩ chuyên khoa cấp I trong mỗi chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, nhi, nội, ngoại, sản và truyền nhiễm.

##### b) Chuyên khoa tim mạch, ung bướu, chấn thương chỉnh hình:

- Tỷ lệ bác sĩ/điều dưỡng chuyên khoa là 1/2.

- Tỷ lệ bác sĩ/giường bệnh chuyên khoa là 1/5.

##### c) Chuyên ngành bác sĩ gia đình:

- 30% bác sĩ làm việc tại trạm y tế xã được đào tạo về y học gia đình.

- 70% tổng số bác sĩ làm việc tại trạm y tế xã được đào tạo phù hợp về chăm sóc sức khỏe cộng đồng/y học gia đình.

## 6.2. Trách nhiệm thực hiện:

### 1. Sở Y tế:

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực y tế đảm bảo số lượng và chất lượng nhân lực y tế cho từng vùng, từng cấp độ chăm sóc và từng chuyên khoa, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trong tình hình mới. Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, các chuyên khoa sâu; tăng cường đào tạo về lý luận chính trị, quản lý, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ y tế, đồng thời quan tâm bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn cho tuyến cơ sở, thực hiện cung cấp các dịch vụ y tế có chất lượng từ tuyến cơ sở.

- Hàng năm, căn cứ nhu cầu và chỉ tiêu biên chế được giao, xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức cho các đơn vị trực thuộc; chỉ đạo các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện việc tuyển dụng theo phân cấp, đảm bảo tuyển đủ số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo quy định. Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế gửi Sở Nội vụ thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo đúng quy định.



- Từ năm 2025, tiếp tục rà soát nhu cầu, chủ động liên hệ và ký kết/đặt hàng đào tạo với Trường Đại học (Tây Nguyên, Y- Dược Huế, Y dược TP Hồ Chí Minh...) để đào tạo đại học và sau đại học nhằm bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế cho tỉnh. Tập trung các lĩnh vực đào tạo bác sĩ liên thông từ y sĩ để tạo nguồn nhân lực lâu dài tại các Trạm Y tế tuyến xã; Trung tâm Y tế các huyện vùng sâu, vùng xa, biên giới như: Ia Pa, Kông Chro, Đức Cơ...; các chuyên ngành khó tuyển dụng (*Lao, phong, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh...*). Đào tạo các chuyên khoa I, Chuyên khoa II cần thiết và mũi nhọn cho ngành y tế tỉnh (*Tim mạch, Ung bướu, Nội tổng quát, Ngoại tổng quát, Y tế công cộng, Điều dưỡng, Quản lý Y tế*). Ưu tiên các đối tượng theo học thuộc diện quy hoạch cán bộ nguồn mà tỉnh quan tâm cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ phù hợp với các chuyên ngành trong các lĩnh vực Y học, Quản lý Y tế, Y tế công cộng, Kinh tế y tế...

- Triển khai các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng: Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, Quản trị bệnh viện, Kinh tế y tế; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, quản trị y tế cho cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Từ năm 2024 sẽ tiến hành rà soát, tạo nguồn để cân nhắc cơ cấu lãnh đạo tại Sở Y tế và một số bệnh viện, trung tâm y tế có 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh tế có chuyên ngành đào tạo phù hợp để quản lý về tài chính, mua sắm, đấu thầu, xây dựng... áp dụng thí điểm theo mô hình tại Quyết định 2969/QĐ-BYT ngày 16/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo nguồn nhân lực nguồn nhân lực y tế tại các cơ sở y tế công lập tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030.

## 2. Sở Nội vụ:

- Tham mưu giao biên chế công chức, số lượng người làm việc cho ngành y tế theo Đề án vị trí việc làm.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức ngành y tế theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tuyển dụng theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ đối với ngành y tế.

- Phối hợp Sở Y tế trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

## 3. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở Y tế chịu trách nhiệm:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của vị trí lãnh đạo, quản lý.



- Xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển chuyên môn, thế mạnh của đơn vị, trên cơ sở đó xây dựng Kế hoạch cử cán bộ đào tạo, bồi dưỡng đúng đối tượng; chú trọng vào các nội dung: Đào tạo chuyên sâu theo định hướng phát triển chuyên môn của đơn vị; tăng cường chọn, cử bác sĩ có năng lực chuyên môn, đủ điều kiện đi bồi dưỡng về chuyên môn và quản lý bệnh viện.

- Bố trí kinh phí đảm bảo việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng viên chức của đơn vị theo đúng quy định.

- Nghiên cứu triển khai các biện pháp tăng thu nhập cho viên chức, người lao động trong đơn vị; có hình thức phù hợp khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho viên chức, người lao động phát huy tinh thần cống hiến, tích cực tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý.

- Đối với các đơn vị tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên: Xây dựng, phê duyệt đề án vị trí việc làm tổ chức tuyển dụng đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu theo quy định.

## **7. Thông tin y tế:**

### **7.1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan**

- Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Quản lý Hồ sơ sức khỏe người dân, người khuyết tật, tích hợp dữ liệu tham gia, thanh toán bảo hiểm y tế với dữ liệu bảo hiểm xã hội và mã số định danh công dân, mã cơ sở y tế đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. Hoàn thành việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc.

- Từ năm 2024 sẽ triển khai đồng bộ và toàn diện Hệ thống thông tin Quốc gia về Quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn; liên thông dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe, Giấy chứng sinh, Giấy báo tử; triển khai “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VneID”.

- Đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện hệ thống thông tin y tế, đặc biệt là tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại 100% cơ sở y tế trong tỉnh. Từ năm 2026, mỗi cơ sở khám chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế, tổ chức đăng ký khám bệnh trực tuyến; 100% các dịch bệnh truyền nhiễm được quản lý trên nền tảng số y tế. Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số.

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh. Lộ trình từ năm 2025-2026 triển khai 02 Bệnh viện: Đa khoa tỉnh, Nhi; từ sau năm 2026 triển khai các cơ sở khám chữa bệnh công lập còn lại.



- Triển khai Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030<sup>17</sup>. Trong đó: (1) Xây dựng và triển khai cơ sở dữ liệu, phần mềm hồ sơ sức khỏe công dân bắt đầu triển khai từ Quý IV năm 2024 và duy trì hàng năm; 03 nhiệm vụ còn lại: (1) Xây dựng và triển khai hệ thống hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa; (2) Xây dựng công thông tin điện tử ngành y tế và các đơn vị điều trị trên địa bàn thành phố Pleiku, tích hợp hệ thống lấy số tự động qua mạng, đăng ký khám chữa bệnh qua mạng; (3) Xây dựng hồ sơ bệnh án điện tử. Triển khai từ năm 2025.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách; cán bộ, nhân viên y tế về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh; tích cực phối hợp với ngân hàng triển khai thanh toán viện phí qua ngân hàng; xây dựng hệ thống thông tin cho phép ghi nhận hóa đơn viện phí để người sử dụng truy cập các ứng dụng trên Internet, Mobile và thực hiện thanh toán viện phí và các phí dịch vụ công khác thông qua các sản phẩm dịch vụ thanh toán tiện ích của ngân hàng (thanh toán thẻ, POS, ví điện tử, QR code,...). Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

## 7.2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tại địa phương.

- Chủ trì thẩm định việc xây dựng hạ tầng, hệ thống, phần mềm, nền tảng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai chuyển đổi số ngành y tế, đảm bảo công tác chuyển đổi số ngành y tế được triển khai đúng định hướng, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực y tế.

7.3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Y tế tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện công tác chuyển đổi số của ngành y tế.

## 8. Công tác xã hội hóa:

### 8.1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan

<sup>17</sup> Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.



- Tăng cường thực hiện chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Tạo điều kiện hoạt động cho hệ thống y tế tư nhân. Khuyến khích phát triển các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân tại thành phố Pleiku, thị xã An Khê, Ayun Pa và các phòng khám đa khoa ở những nơi tập trung đông dân cư, các khu vực xa cơ sở y tế công lập. Khuyến khích phát triển mô hình “Bác sỹ Gia đình”, mô hình “Chăm sóc sức khỏe tại nhà”. Từng bước thực hiện khám chữa bệnh tư theo hình thức BHYT.

- Tăng cường chuyên giao cho các tổ chức, cá nhân ngoài công lập thực hiện các dịch vụ ngoài chuyên môn kỹ thuật y tế như dịch vụ phương tiện vận chuyển, ăn uống, vệ sinh, giặt là, bảo vệ... trong các cơ sở y tế công lập để tập trung đầu tư nguồn lực cho việc nâng cao chất lượng các dịch vụ kỹ thuật y tế chất lượng cao. Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư cung cấp các dịch vụ về chẩn đoán hình ảnh, phục hồi chức năng, phương tiện tránh thai, phòng bệnh; cung ứng thuốc phục vụ khám chữa bệnh và phòng bệnh cho nhân dân. Khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong nước hoạt động từ thiện, cung cấp, hỗ trợ các thiết bị về y tế và hỗ trợ khám, chữa bệnh.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả công tác liên doanh, liên kết tại các cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt là tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh để rút kinh nghiệm nhằm triển khai trong thời gian tới cho phù hợp. Bảo đảm lợi ích chính đáng, hợp pháp về vật chất và tinh thần, về quyền sở hữu và thừa kế đối với phần vốn góp và lợi tức của cá nhân, tập thể thuộc các thành phần kinh tế, các tập thể tham gia xã hội hoá theo quy định của pháp luật.

8.2. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, nguồn vốn... đối với các nhà đầu tư các cơ sở y tế công lập, và ngoài công lập theo quy định hiện hành. Tăng cường kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực y tế.

## **9. Thực hiện tự chủ:**

### **9.1. Sở Y tế:**

- Tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhân lực trong các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn liên quan khác. Phê duyệt và giao dự toán hàng năm phải thực hiện từ cuối năm trước hoặc đầu năm ngân sách để các cơ sở y tế chủ động trong công tác quản lý tài chính.



- Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính để chỉ đạo các đơn vị y tế chủ động đề ra giải pháp tăng thu, đặc biệt là thu từ dịch vụ khám chữa bệnh; tiết kiệm chi phí đầu vào, chi thường xuyên để có nguồn chi tăng thu nhập cho cán bộ viên chức, người lao động và đầu tư phát triển.

- Tăng cường thanh kiểm tra chuyên đề về thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các cơ sở y tế để phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện tại các đơn vị; từ đó, tập trung chỉ đạo, hướng dẫn hoặc đề xuất các giải pháp tháo gỡ, kịp thời xử lý các sai phạm (nếu có) để công tác thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các cơ sở y tế công lập tại địa phương ngày càng hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

9.2. Sở Tài chính: Tăng cường phối hợp, hỗ trợ Sở Y tế hướng dẫn chuyên môn cho các cơ sở y tế công lập được giao quyền tự chủ tài chính thực hiện có hiệu quả phương án được giao.

9.3. Các đơn vị sự nghiệp ngành Y tế tăng cường trách nhiệm, nâng cao năng lực quản lý, điều hành. Chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp để thực hiện có hiệu quả phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **10. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế:**

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

- Thực hiện kết hợp quân dân y, xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ; triển khai xây dựng quy hoạch khu sơ tán theo Quyết định số 1998/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y trong khám bệnh, chữa bệnh; phòng chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, phù hợp với điều kiện từng nơi; bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Đẩy mạnh công tác kết hợp quân - dân y, quan tâm chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng của tỉnh, đặc biệt đối với các xã Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn (Đức Cơ), xã Ia O, Ia Chiã (Ia Grai), xã Ia Púch, Ia Mơ (Chư Prông) và các huyện Kbang, Kông Chro.

- Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung về tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế. Triển khai có hiệu quả các dự án do nước ngoài tài trợ đối với lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe. Tiếp tục vận động sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế. Phối hợp với nước bạn Campuchia trong phòng, chống các bệnh dịch như HIV/AIDS, sốt rét và các



bệnh dịch nguy hiểm, mới nổi khác... Phần đầu hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về sức khỏe.

Ngoài ra, Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền triển khai có hiệu quả để góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

**Tổng kinh phí đầu tư giai đoạn 2021-2030 cho toàn ngành y tế là: 4.518.574 triệu đồng. Trong đó:**

- Vốn đầu tư công: 3.308.767 triệu đồng
- Vốn sự nghiệp: 1.159.807 triệu đồng
- Vốn huy động hợp pháp khác: 50.000 triệu đồng

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm. Tùy theo điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của tỉnh có thể xem xét cân đối cho phù hợp).*

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

##### **1. Sở Y tế:**

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai và thực hiện Kế hoạch đạt mục tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các ngành có liên quan lập dự án đầu tư của các đơn vị ngành y tế theo đúng quy định về đầu tư xây dựng và các quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Nội vụ bố trí đủ cán bộ, xây dựng lộ trình cụ thể và khả thi đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng để đảm bảo nâng cao năng lực hoạt động cho các đơn vị ngành y tế theo đúng mục tiêu Đề án; cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sử dụng trang thiết bị được đầu tư.

- Chỉ đạo việc tổ chức, bố trí việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị một cách hiệu quả, tránh lãng phí thất thoát; tổ chức mua sắm thuốc, thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh, các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để tổ chức triển khai các dự án đầu tư theo quyết định và phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh.



## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ trì, phối hợp với các ngành phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của hệ thống y tế để thực hiện kế hoạch, đề án, đảm bảo đúng quy định.

## **3. Sở Tài chính:**

Trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Y tế lập theo đúng quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách của tỉnh để tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện theo Đề án và Kế hoạch này.

## **4. Sở Nội vụ:**

- Phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, tham mưu kiện toàn lại mô hình mạng lưới y tế các cấp, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế. Phối hợp tham mưu, đề xuất các nội dung đánh giá, quy hoạch, sắp xếp cán bộ theo chức danh, vị trí việc làm; đề xuất các phương án tuyển dụng, hợp đồng viên chức, hợp đồng lao động tại các đơn vị sự nghiệp y tế được giao quyền tự về tài chính; từng bước triển khai thực hiện quyền tự chủ về nhân lực, biên chế không sử dụng từ ngân sách nhà nước

- Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc điều chỉnh, bổ sung số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế theo quy định; phối hợp Sở Y tế xây dựng cơ chế, giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chế độ chính sách đối với đội ngũ viên chức ngành y tế theo quy định.

## **5. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, mục tiêu về đào tạo phát triển nguồn nhân lực nói chung và ngành y tế nói riêng, đặc biệt là đào tạo bác sĩ đa khoa, đảm bảo phù hợp với các đề án, kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai tốt công tác y tế trường học, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm...

## **6. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường:**

Phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan hoàn thiện thủ tục pháp lý về đất đai để triển khai các thủ tục đầu tư, nâng cấp, xây dựng các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

## **7. Sở Thông tin và Truyền thông:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các cơ quan báo chí và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tăng cường thông tin tuyên truyền về công tác xây



dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh. Tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, lợi ích của việc tham gia Bảo hiểm y tế.

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan xây dựng phần mềm quản lý sức khỏe và quản trị mạng đảm bảo an toàn bảo mật thông tin.

### **8. Bảo hiểm xã hội tỉnh:**

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nâng cao tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tổ chức thực hiện thanh toán chi phí bảo hiểm y tế nhanh chóng, thuận lợi và theo đúng quy định.

### **9. Các Sở, ban, ngành có liên quan:**

Căn cứ nội dung Kế hoạch và chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Y tế để tổ chức thực hiện Đề án và Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả.

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội**

- Đẩy mạnh công tác phối hợp tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện Đề án gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".

- Tham gia giám sát, phản biện xã hội, tham vấn, kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước thực hiện Đề án.

### **11. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Đề án với các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án ở các cơ sở y tế trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tới toàn thể nhân dân trên địa bàn; huy động tối đa mọi nguồn lực để hoàn thành mục tiêu Đề án.


- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường bố trí đủ đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đơn vị ngành y tế tại địa phương.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu về y tế trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 như: Xây dựng Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Đề án phát triển hệ thống y tế đến năm 2030. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn,



vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Y tế) để xem xét, quyết định. / 

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa – Xã hội, HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành và đơn vị thuộc tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy và thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CNXD, KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thanh Lịch**



**PHỤ LỤC 1**  
**Các nhiệm vụ theo Kế hoạch triển khai**  
**Đề án phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030**

Nhiệm vụ	Tiến độ	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
<b>1. Nâng cao năng lực quản trị y tế</b>			
1.1. Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng về quản lý kinh tế y tế, tài chính y tế, quản trị bệnh viện cho lãnh đạo và cán bộ chủ chốt các đơn vị	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
1.2. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức, bộ máy và chuyển giao chức năng, nhiệm vụ thường trực Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh từ Phòng khám - quản lý sức khỏe thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh về Sở Y tế đảm nhận	Đang thực hiện	2025	2025
<b>2. Tăng cường đầu tư và nâng cao năng lực ứng phó với dịch bệnh, đổi mới y tế cơ sở, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu:</b>			
2.1. Triển khai Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.2. Triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc lĩnh vực Y tế- Dân số	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.3. Tăng cường phát hiện, quản lý, dự phòng nhiễm HIV và nâng chất lượng dịch vụ chăm sóc, điều trị HIV	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.4. Triển khai có hiệu quả Chương trình số 40-CTr/TU ngày 24/4/2017 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Kết luận số 11-KL/TW, ngày 19/01/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 21/10/2011 của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.5. Thực hiện luân phiên bác sĩ tuyến huyện và tuyến xã	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.6. Xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình	Chưa thực hiện	Từ 2025	Duy trì thường xuyên
2.7. Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở trong tình hình mới	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.8. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng 18 trạm y tế từ nguồn vốn của Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai" vay vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)	Đang thực hiện		2025
2.9. Thẩm định xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế theo tại Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.10. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, quản lý thông tin y tế cơ sở, quản lý tiêm chủng, quản lý bệnh tật; thiết lập hệ thống số sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe người dân	Đang thực hiện nhưng chưa đồng bộ	2025	Duy trì thường xuyên
2.11. Đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức y khoa liên tục cho cán bộ y tế cơ sở theo Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
2.12. Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ và 59 trạm y tế	Đã hoàn thành, chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng		

*Vra*



Nhiệm vụ	Tiến độ	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
2.13. Rà soát hiện trạng trạm y tế theo các vùng; tập trung ưu tiên đầu tư hoàn thiện cho trạm y tế các xã vùng khó khăn		Từ 2024	
2.14. Liên kết các Trường Đại học Y đào tạo liên thông bác sĩ cho y sĩ đang công tác tại các Trạm y tế xã; Đào tạo Nhân viên Y tế thôn bản và Cô đỡ thôn bản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại thôn, bản và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em tại thôn bản.	Chưa thực hiện	Từ 2025	
2.15. Thực hiện thống nhất trung tâm y tế cấp huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện			Theo chủ trương thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư
<b>3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh:</b>			
3.1. Triển khai thực hiện việc thanh toán các chi phí khám chữa bệnh không dùng tiền mặt	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
3.2. Các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện từng bước hoàn thiện và nâng cấp về mọi mặt theo các tiêu chí về phân hạng bệnh viện	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
3.3. Khuyến khích các phòng khám tư nhân đầu tư, nâng cấp thành các phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa	Đang thực hiện	Hàng năm	
3.4. Nâng cao Cấp cứu trong và ngoài bệnh viện	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
3.5. Thực hiện Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
3.6. Triển khai Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
3.7. Duy trì và mở rộng hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội và một số tỉnh, thành... trong khám chữa bệnh, chuyển giao kỹ thuật	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
3.8. Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, mở rộng quy mô giường bệnh các cơ sở điều trị công lập	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
<b>3.9. Đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh:</b>			
Nâng cấp, mở rộng quy mô giường bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh với quy mô 1.000 giường vào năm 2025 và 1.200 giường vào năm 2030			2025-2030
Nâng cấp, phát triển các Khoa Ung bướu, Tim mạch (về cơ sở hạ tầng, nhân lực, thiết bị)		2024-2025	
Xây dựng Trung tâm Huyết học và Truyền máu nằm trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh			Muộn nhất vào năm 2030
Chuyển toàn bộ Khoa sản sang Bệnh viện Nhi tỉnh để thành lập Bệnh viện Sản Nhi sau khi hoàn thành việc xây dựng Khối phụ sản Bệnh viện Nhi		2026	
3.10. Đầu tư kiện toàn Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN thành Bệnh viện Y dược cổ truyền – PHCN và Điều dưỡng			Muộn nhất vào năm 2030
3.11. Đổi tên Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành Bệnh viện Phổi		2025	
3.12. Khởi công xây dựng Khối phụ sản của Bệnh viện Nhi quy mô 200 giường tại khuôn viên Bệnh viện Nhi		2025	2026
3.13. Khởi công dự án xây dựng mới Bệnh viện 331		2025	2026



Nhiệm vụ	Tiến độ	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
<b>3.14.</b> Triển khai các kế hoạch để thành lập bệnh viện vùng tại thị xã An Khê và bệnh viện vùng tại thị xã Ayun Pa, thuộc tuyến tỉnh			Trước 2030
<b>3.15.</b> Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa thành phố Pleiku quy mô 300-350 giường		Sau 2025	
<b>3.16.</b> Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế thiết yếu cho Trung tâm Y tế huyện Kông Chro		2024	2025
<b>3.17.</b> Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Khu vực tam giác phát triển tại Gia Lai với quy mô 1000 giường		Sau 2026	
<b>4. Công tác dân số và phát triển:</b>			
4.1. Củng cố và phát triển mạng lưới dịch vụ dân số, kế hoạch hoá gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khoẻ tiền hôn nhân	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
4.2 Thực hiện mục tiêu giảm sinh để đạt mức sinh thay thế; Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức tương đối cân bằng .	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
4.3.Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		Hàng năm	Duy trì thường xuyên
<b>5. Phát triển sản xuất, cung ứng thuốc, vật tư:</b>			
5.1.Cơ sở kinh doanh thuốc đều đạt GPs	Đang thực hiện	Hàng năm	2025
5.2. Phát triển mạng lưới cung ứng thuốc phù hợp với nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng khả năng tiếp cận của người sử dụng	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
5.3. Đầu tư, nâng cấp và kiện toàn hệ thống kiểm nghiệm tỉnh Gia Lai.	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
<b>6. Phát triển nguồn nhân lực y tế:</b>			
6.1. Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực y tế; xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức cho các đơn vị y tế	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
6.2. Áp dụng thí điểm theo mô hình tại Quyết định 2969/QĐ-BYT ngày 16/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế	Chưa thực hiện	2024	Duy trì thường xuyên
<b>7. Thông tin y tế:</b>			
7.1. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
7.2.Triển khai đồng bộ Hệ thống thông tin Quốc gia về Quản lý kê đơn thuốc và bán thuốc theo đơn; liên thông dữ liệu Giấy khám sức khoẻ lái xe, Giấy chứng sinh, Giấy báo tử; triển khai “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VneID”.	Đang thực hiện	2024	Duy trì thường xuyên
7.3.Triển khai tư vấn khám chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế	Đang thực hiện	2026	Duy trì thường xuyên
7.4.Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	Chưa thực hiện	2025-2026	Duy trì thường xuyên
7.5. Triển khai Đề án Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Chưa thực hiện	Quý IV-2024	2030
<b>8. Công tác xã hội hóa:</b>			



Nhiệm vụ	Tiến độ	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
8.1. Tăng cường thực hiện chính sách đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
8.2. Rà soát, đánh giá hiệu quả công tác liên doanh, liên kết tại các cơ sở khám chữa bệnh, đặc biệt là tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Đang thực hiện	2024	2025
<b>9. Thực hiện tự chủ:</b>			
9.1. Tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhân lực trong các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
<b>10. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế:</b>			
10.1. Thực hiện kết hợp quân dân y, xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
10.2. Thực hiện tốt các nội dung về tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế. Triển khai có hiệu quả các dự án do nước ngoài tài trợ đối với lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe	Đang thực hiện	Hàng năm	Duy trì thường xuyên
<b>11. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết:</b> - Quy định chính sách đãi ngộ, thu hút và đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030; - Quy định mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản; Cơ đờ thôn bản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Đang thực hiện		Chậm nhất năm 2025





**PHỤ LỤC 2****Danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế tuyến xã theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế**

1. Danh mục trang thiết bị y tế và số lượng tối thiểu của trạm y tế tuyến xã bao gồm:

STT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
<b>I</b>	<b>Khám, chữa bệnh</b>				
1.	Máy đo đường huyết cá nhân	Cái	02	02	02
2.	Huyết áp kế	Bộ	02	02	02
3.	Óng nghe	Bộ	02	02	02
4.	Đèn khám bệnh	Cái	01	01	01
5.	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	Cái	01	01	01
6.	Bộ khám ngũ quan	Bộ	01	01	01
7.	Đèn khám treo trần (đèn clar)	Cái	01	01	01
8.	Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	Bộ	01	01	01
<b>II</b>	<b>Sơ cứu, cấp cứu</b>				
1.	Máy khí dung	Cái	01	01	01
2.	Bình ô xy + Bộ làm ẩm có đồng hồ + Mask thở ô xy	Bộ	01	01	01
3.	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	Cái	02	02	02
4.	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	Cái	02	02	02
5.	Bộ nẹp chân	Bộ	02	02	02
6.	Bộ nẹp tay	Bộ	02	02	02
7.	Bộ nẹp cổ	Bộ	02	02	02
8.	Cáng tay	Cái	01	01	01
<b>III</b>	<b>Tiêm, tiêm thủ thuật và tiêm chủng mở rộng</b>				
1.	Xe tiêm	Cái	01	01	01



2.	Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	Cái	01	01	01
3.	Bàn tiêu phẫu	Cái	01	01	01
4.	Bộ dụng cụ tiêu phẫu	Bộ	01	01	01
5.	Giá treo dịch truyền	Cái	02	02	02
6.	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	01	01	01
7.	Bộ mở khí quản cho người lớn	Bộ	01	01	01
8.	Bộ mở khí quản cho trẻ em	Bộ	01	01	01
9.	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	Bộ	01	01	01
10.	Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	Bộ	01	01	01
11.	Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	Bộ	01	01	01
<b>IV</b>	<b>Y được cổ truyền</b>				
1.	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	01	01	
2.	Máy điện châm	Cái	02	02	
3.	Đèn hồng ngoại điều trị	Cái	01	01	
<b>V</b>	<b>Sân, kế hoạch hóa gia đình</b>				
1.	Máy Doppler tim thai	Cái	01		
2.	Bàn đẻ và làm thủ thuật	Bộ	01		
3.	Bàn khám sản khoa	Bộ	01	01	01
4.	Bàn đẻ dụng cụ	Cái	01	01	01
5.	Bàn chăm sóc trẻ sơ sinh	Cái	01		
6.	Bộ dụng cụ khám thai	Bộ	01	01	01
7.	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	01		
8.	Bộ hồi sức trẻ sơ sinh	Bộ	01		
9.	Bộ dụng cụ cắt khâu tầng sinh môn	Bộ	01		
10.	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai	Bộ	01		
11.	Đèn khám đặt sản (đèn gù)	Bộ	01		





12.	Cân trẻ sơ sinh	Cái	02	02	01
<b>VI</b>	<b>Xét nghiệm</b>				
1.	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Cái	01	01	01
2.	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	Cái	01	01	01
<b>VII</b>	<b>Tiệt trùng</b>				
1.	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01	01	01
2.	Tủ sấy	Cái	01	01	01
<b>VIII</b>	<b>Khu vực lưu người bệnh</b>				
1.	Giường bệnh	Cái	02	02	02
<b>IX.</b>	<b>Khám phụ khoa</b>				
1.	Bàn khám phụ khoa	Cái	01	01	
2.	Bộ dụng cụ khám phụ khoa	Bộ	01	01	
3.	Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	Bộ	01	01	

**2. Danh mục thiết bị khác và số lượng tối thiểu của trạm y tế tuyến xã bao gồm:**

STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TỐI THIỂU		
			VÙNG 3	VÙNG 2	VÙNG 1
1.	Bàn khám bệnh	Cái	01	01	01
2.	Tủ đầu giường bệnh	Cái	02	02	02
3.	Tủ đựng thuốc cổ truyền	Bộ	01	01	
4.	Giá, kệ đựng dược liệu	Bộ	01	01	
5.	Bàn chia thuốc theo thang	Bộ	01	01	
6.	Dụng cụ sơ chế thuốc đông y	Bộ	01	01	
7.	Cân thuốc	Cái	01	01	
8.	Máy sắc thuốc	Cái	01	01	
9.	Tủ bảo quản thuốc	Bộ	01	01	01
10.	Bảng thông tin, truyền thông	Cái	01	01	01

*Handwritten signature*



11.	Tủ đựng tài liệu truyền thông	Bộ	01	01	01
12.	Tivi	Cái	01	01	01
13.	Loa, bộ âm thanh	Bộ	01	01	01
14.	Giường	Cái	01	01	01
15.	Máy vi tính*	Bộ			
16.	Máy in*	Bộ			
17.	Bộ bàn, ghế văn phòng*	Cái			
18.	Tủ đựng đồ cá nhân*	Cái			

Man



Phụ lục 3

Bảng tổng hợp dự kiến kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030

(Kèm theo Kế hoạch số: 150/KH-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên cơ sở	Chương trình				Kinh phí đầu tư (triệu đồng)									Ghi chú			
		2020	2021	2022-2025	2026-2030	2021-2025			2026-2030			Tổng giai đoạn 2021-2030						
						Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
							NSNN	Nguồn vốn huy động hợp pháp khác		NSNN	Nguồn vốn huy động hợp pháp khác		NSNN	Nguồn vốn huy động hợp pháp khác				
Đầu tư công	Vốn SN	Đầu tư công	Vốn SN	Đầu tư công	Vốn SN													
	<b>TỔNG CỘNG</b>	3,020	3,170	4,055	5,300	1,668,803	1,146,346	522,457	-	2,849,771	2,162,421	637,350	50,000	4,518,574	3,308,767	1,159,807	50,000	
1	Tuyển tỉnh	1,480	1,560	2,145	3,050	1,013,657	637,200	376,457	-	1,150,000	720,000	380,000	50,000	2,163,657	1,357,200	756,457	50,000	
1	Xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh					120,000	120,000							120,000	120,000			Nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế. Đang triển khai thực hiện.
2	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	800	800	1,000	1,200	255,712	44,000	211,712		500,000	300,000	200,000		755,712	344,000	411,712	-	Theo Đề án phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030: Định hướng đầu tư, nâng cấp BYĐK tỉnh trở thành bệnh viện hạng I, quy mô 1.000 giường đến năm 2025 và dự kiến tăng lên 1.200 giường đến 2030, xây dựng TT huyết học và truyền máu trong BVĐK tỉnh. Do đó cần thiết phải nâng cấp, cải tạo một số khoa và bổ sung trang thiết bị.
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền - PHCN (và Điều dưỡng)	130	130	145	170	10,000		10,000		90,000	70,000	20,000		100,000	70,000	30,000	-	Theo Đề án phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai, đến năm 2030: định hướng mở rộng chức năng, nhiệm vụ, nâng cấp, đầu tư BHYTCT và PHCN thành BV Y dược cổ truyền, PHCN và điều dưỡng.
4	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi	70	70	70	100	6,000		6,000		40,000	30,000	10,000		46,000	30,000	16,000	-	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội đến 2030-ngành y tế: định hướng mở rộng quy mô giường bệnh và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cao trong điều trị chuyên khoa sâu (đặc trưng các bệnh về phổi)
5	Bệnh viện 331	120	120	200	200	310,000	300,000	10,000	-	100,000	70,000	30,000		410,000	370,000	40,000	-	Quy hoạch định hướng đầu tư nâng cấp Bệnh viện 331 thành bệnh viện liên chuyên khoa hạng II với quy mô 200 giường năm 2030, tập trung đầu tư chuyển khoa M-TMH-RHM. Đã có chủ trương theo Nghị quyết số 417/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai, đầu tư giai đoạn 2024-2026, kinh phí 300 tỷ đồng. Giai đoạn 2026-2030 dự kiến sẽ tiếp tục bổ sung một số trang thiết bị chuyên khoa theo yêu cầu điều trị người bệnh.
6	Bệnh viện Tâm thần kinh	80	80	80	80	6,000		6,000		35,000	30,000	5,000		41,000	30,000	11,000	-	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội đến 2030-ngành y tế: định hướng mở rộng quy mô giường bệnh và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cao cho Bệnh viện tâm thần phục vụ điều trị chuyên khoa sâu.
7	Bệnh viện Sản - Nhi (trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Nhi và Khối phụ sản Bệnh viện Nhi)	200	280	480	480-500	112,000	100,000	12,000	-	125,000	100,000	25,000		237,000	200,000	37,000	-	Đầu tư xây dựng Khối Phụ sản BV Nhi 200 giường giai đoạn 2024-2026 (đã có chủ trương theo Nghị quyết số 384/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai, kinh phí 200 tỷ đồng, trong đó trang thiết bị 43 tỷ); giai đoạn 2021-2025 dự kiến bố trí 100 tỷ, chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030: 100 tỷ. Trong giai đoạn 2026-2030 dự kiến bổ sung thêm một số trang thiết bị chuyên khoa khác từ vốn tự doanh nghiệp bố trí hàng năm để đáp ứng yêu cầu điều trị, chăm sóc người bệnh.



		Giường bệnh				Kinh phí đầu tư (tỷ đồng)													
						2021-2025				2026-2030				Tổng giai đoạn 2021-2030					
8	Khoa Ung bướu (hoặc thành lập Bệnh viện Ung bướu)	40	40	70	100	73,200	73,200	-	-	30,000	30,000			103,200	73,200	30,000	-	Đề có chủ trương theo Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai, đầu tư giai đoạn 2023-2024, kinh phí 73,292 tỷ đồng. Trong trường hợp cần thiết phải thành lập Bệnh viện Ung bướu hoặc bổ sung thêm trang thiết bị kỹ thuật cao (để đáp ứng yêu cầu điều trị và quy mô dân số) có thể xem xét bổ sung vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030	
9	Khoa Tim mạch (hoặc thành lập Bệnh viện Tim mạch)	40	40	50	100	90,745	-	90,745	-	100,000	70,000	30,000		190,745	70,000	120,745	-	Định hướng xây dựng mới bệnh viện Tim mạch (hoặc nâng cấp các khoa Tim mạch) với quy mô 100 giường để đáp ứng nhu cầu điều trị các bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh.	
10	Khoa Nội tiết (hoặc thành lập Bệnh viện Nội tiết)			50	100	30,000	-	30,000		30,000	30,000			60,000	-	60,000	-	Định hướng thành lập Khoa Nội tiết hoặc xây dựng mới bệnh viện Nội tiết với quy mô 100 giường để đáp ứng nhu cầu điều trị các bệnh không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2021-2025 thành lập Khoa nội tiết tại cơ sở hiện tại của BVĐK tỉnh. Giai đoạn 2026-2030 trường hợp cần thiết phải thành lập Bệnh viện nội tiết hoặc bổ sung thêm trang thiết bị kỹ thuật cao (để đáp ứng yêu cầu điều trị và quy mô dân số) có thể xem xét bổ sung vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030	
11	Trung tâm cấp cứu 115									100,000	50,000		50,000	100,000	50,000		50,000	-	Định hướng đầu tư xây dựng mới Trung tâm Y tế thành phố Pleiku với quy mô 300-350 giường bệnh tại vị trí khác. Cử tạo, sửa chữa cơ sở vật chất của Trung tâm Y tế thành phố Pleiku cũ để thành lập Trung tâm cấp cứu 115 của tỉnh. Kinh phí sửa chữa dự kiến từ nguồn vốn đầu tư công, cơ sở vật chất khác từ nguồn xã hội hóa.
12	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế 1000 giường				1,000	-	-	-										-	Định hướng xây dựng mới bệnh viện đa khoa quốc tế với quy mô 1.000 giường, tập trung phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân thuộc 13 tỉnh trong khu vực Tam giác phát triển CLV huy động từ nguồn ngoài Kinh phí dự kiến 4.836.000 triệu đồng).
11	Tuyến huyện	1,540	1,610	1,910	2,350	417,985	271,985	146,000	-	1,605,771	1,260,421	245,350	-	2,023,756	1,632,406	391,350	-	Định hướng củng cố, mở rộng, nâng cấp các đơn vị y tế tuyến huyện đảm bảo năng lực khám chữa bệnh	
1	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku	140	140	300	300	-				1,031,771	1,020,421	11,350		1,031,771	1,020,421	11,350		Định hướng đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa thành phố Pleiku, dự kiến quy mô từ 300-350 giường	
2	Trung tâm Y tế thị xã An Khê	120	160	160	300	24,000	20,000	4,000	-	100,000	80,000	20,000		124,000	100,000	24,000		Giai đoạn 2021-2025 đã triển khai đầu tư kinh phí 20 tỷ đồng, theo Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh. Giai đoạn 2026-2030 theo quy hoạch sẽ đầu tư nâng cấp, đầu tư mở rộng và bổ sung trang thiết bị cho TTYT thị xã An Khê thành Bệnh viện vùng Đông Gia Lai với quy mô tối thiểu 300 giường bệnh nhằm đáp ứng tốt hơn khả năng thu hút điều trị bệnh nhân tại các huyện vùng Đông Gia Lai	
3	Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa	150	180	180	200	24,000	20,000	4,000	-	40,000	20,000	20,000		64,000	40,000	24,000		Giai đoạn 2021-2025 đã triển khai đầu tư kinh phí 20 tỷ đồng, theo Nghị quyết số 409/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh. Giai đoạn 2026-2030 theo quy hoạch sẽ đầu tư nâng cấp, đầu tư mở rộng và bổ sung trang thiết bị cho TTYT thị xã Ayun Pa thành Bệnh viện vùng Nam Gia Lai với quy mô tối thiểu 200 giường bệnh nhằm đáp ứng tốt hơn khả năng thu hút điều trị bệnh nhân tại các huyện vùng Nam Gia Lai	

*Handwritten signature*



		Chương bệnh				Kinh phí đầu tư (tỷ đồng)											
						2021-2025				2026 - 2030			Tổng giai đoạn 2021-2030				
4	Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ	90	90	120	150	62,000	52,000	10,000	-	10,000	10,000	-	72,000	52,000	20,000	-	Năm 2022-2023 sẽ hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng TTYT huyện Đức Cơ với kinh phí 52 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
5	Trung tâm Y tế huyện Chư Sê	130	130	130	150	15,000	-	15,000		50,000	30,000	20,000	65,000	30,000	35,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp mở rộng tăng thêm quy mô 20 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số
6	Trung tâm Y tế huyện Chư Păh	50	50	60	70	10,000	-	10,000		32,000	20,000	12,000	42,000	20,000	22,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp mở rộng tăng thêm quy mô 10-20 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số
7	Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ	50	50	60	70	10,000	-	10,000		32,000	20,000	12,000	42,000	20,000	22,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp mở rộng tăng thêm quy mô 10-20 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số
8	Trung tâm Y tế huyện Chư Prông	65	65	70	80	10,000	-	10,000		35,000	20,000	15,000	45,000	20,000	25,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp mở rộng tăng thêm quy mô 15-25 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số
9	Trung tâm Y tế huyện Mang Yang	75	75	80	80	26,000	20,000	6,000	-	10,000		10,000	36,000	20,000	16,000	-	Đã có chủ trương đầu tư nâng cấp, mở rộng, thời gian thực hiện năm 2022-2023, kinh phí 20 tỷ đồng theo Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 1/7/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai
10	Trung tâm Y tế huyện Đức Hòa	105	105	110	120	30,000	20,000	10,000		15,000		15,000	45,000	20,000	25,000	-	Đã có chủ trương đầu tư nâng cấp, mở rộng, thời gian thực hiện năm 2022-2023, kinh phí 20 tỷ đồng theo Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 1/7/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai
11	Trung tâm Y tế huyện Kông Pa	95	95	100	120	6,000	-	6,000		65,000	50,000	15,000	71,000	50,000	21,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp một số hạng mục và đầu tư mở rộng tăng thêm quy mô tối thiểu 25 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số
12	Trung tâm Y tế huyện Kông Chro	65	65	70	90	29,985	29,985			15,000		15,000	44,985	29,985	15,000	-	TTYT huyện Kông Chro được đầu tư nâng cấp và bổ sung trang thiết bị (từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 với tổng mức đầu tư gần 30 tỷ đồng). Giai đoạn 2026-2030 không tiếp tục đầu tư từ vốn đầu tư công.
13	Trung tâm Y tế huyện Ia Pa	65	65	70	90	10,000	-	10,000		45,000	30,000	15,000	55,000	30,000	25,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp mở rộng tăng thêm quy mô 25 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số
14	Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện	85	85	90	110	20,000	-	20,000		65,000	50,000	15,000	85,000	50,000	35,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp mở rộng tăng thêm quy mô ít nhất 25 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số và theo ý kiến kiến nghị của cử tri về nâng cấp bổ sung một số hạng mục cho TTYT Phú Thiện
15	Trung tâm Y tế huyện Chư Păh	75	75	80	90	6,000		6,000		15,000		15,000	21,000	-	21,000	-	TTYT huyện được dự án ADB đầu tư hơn 41,7 tỷ đồng, đã bàn giao và đi vào sử dụng từ 30/6/2020. Giai đoạn 2026-2030 không tiếp tục đầu tư từ vốn đầu tư công.
16	Trung tâm Y tế huyện Kông	110	110	150	150	125,000	110,000	15,000	-	15,000		15,000	140,000	110,000	30,000	-	Đã có chủ trương theo Nghị quyết số 419/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai, đầu tư giai đoạn 2024-2026, kinh phí 110 tỷ đồng. Giai đoạn 2026-2030 không tiếp tục đầu tư từ vốn đầu tư công.
17	Trung tâm Y tế huyện Ia Grai	70	70	80	80	10,000	-	10,000		30,000	20,000	10,000	40,000	20,000	20,000	-	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 nâng cấp mở rộng tăng thêm quy mô ít nhất 10 giường phù hợp với yêu cầu công tác khám chữa bệnh và quy mô dân số

*Tha*



		Chương bệch				Kinh phí đầu tư (triệu đồng)												
						2021-2025				2026 - 2030				Tổng giai đoạn 2021-2030				
III	Tuyến xa	-	-	-	-	237,161	237,161	-	-	94,000	82,000	12,000	-	333,161	319,161	12,000	-	
1	Đầu tư xây dựng mới và bổ sung trang thiết bị y tế cho 18 Trạm Y tế.					107,161	107,161							107,161	107,161			Nguồn vốn từ Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai" vay vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) đã được phê duyệt; TTCP đã có Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 giao vốn bổ sung vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 03 chương trình MTQG
2	Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới và bổ sung trang thiết bị cho 59 trạm y tế					130,000	130,000							130,000	130,000			Nguồn vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế đã được phê duyệt (theo Văn bản số 681/TTg-KHTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc: hăng báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội )
3	Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới 30 trạm y tế; Bổ sung trang thiết bị cho 54 Trạm y tế									94,000	82,000	12,000		94,000	82,000	12,000		

*Ma*



**PHỤ LỤC 4**  
**HIỆN TRẠNG TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ NĂM 2024**

TÊN TRẠM Y TẾ	Cự ly từ TYT đến TT/VT/BV gần nhất	Có bác sĩ định biên	Năm xây dựng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích nhà trạm (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng nhà làm việc	Đề xuất đầu tư			Đảm bảo điều kiện về thủ tục pháp lý đất đai nếu xây mới
									Bổ sung TTB	Sửa chữa	Xây mới	
<b>HUYỆN CHU SỀ</b>	<b>3</b>	<b>3</b>							<b>3</b>			
Xã Ia Tiêm	20	x	2017	2,268,905,000	1,512,225,000	4,959.00	327.00	Tốt	x	0	0	
Xã Bờ Ngoong	20	x	2024	1,338,680,000	1,338,680,000	2,564.00	350.00	Tốt	x	0	0	
Xã Bar Mãnh	23	x	2024	2,250,807,000	2,250,807,000	2,221.40	255.00	Tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN CHU PƯH</b>	<b>2</b>	<b>0</b>							<b>2</b>		<b>1</b>	
Xã Ia Hla	23	0	2019			3,000.00	0.00	Tốt	x	0	0	
Xã Ia Blứ	20	0	2013	1,018,744,000	271,291,527	2,160.00	457.00	Xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	x	Đảm bảo: - Có GCN Quyền SD đất - Đáp ứng về quy hoạch vị trí xây dựng và quy hoạch sử dụng đất
<b>HUYỆN ĐAK PƠ</b>	<b>1</b>	<b>0</b>							<b>1</b>			
Xã Ya Hội	25	0	2019	2,595,008,000	2,179,806,720	1,384.00	254.00	Tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN CHU PRÔNG</b>	<b>9</b>	<b>8</b>							<b>9</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	
Xã Thăng Hưng	20	X				3,068.00	246.00	Tốt	x	0	0	
Xã Ia Vê	24	X	1997	113,206,000	22,595,920	4,793.00	200.00	Xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	Xây mới tại vị trí đất hiện trạng	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
Xã Ia Pia	26	0	2009	838,900,000	204,894,623	1,901.00	182.00	Tốt	x	0	0	
Xã Ia Mơ	55	X				4,735.00	250.00	Một số hạng mục hư hỏng	x	X	0	
Xã Ia Lâu	50	X	2014	474,321,000	189,586,101	7,930.10	479.00	Một số hạng mục hư hỏng	x	X	0	
Xã Ia Púch	27.7	X				2,079.60	280.00	Tốt	x	0	0	
Xã Ia Pior	55	X	2007	605,220,000	143,147,746	2,033.40	446.00	Một số hạng mục hư hỏng	x	X	0	
Xã Ia Ga	36	X	2007	490,857,000	141,281,299	1,699.00	234.00	Một số hạng mục hư hỏng	x	X	0	
Xã Ia Bang	20	X	2010	669,954,000	89,036,885	2,298.30	170.00	Tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN MANG YANG</b>	<b>4</b>	<b>2</b>							<b>4</b>		<b>1</b>	
Xã Kon Chiêng	38	x	2023			2,059.00	310.00	Tốt	x	0	0	
Xã Kon Thup	27	x	2023			1,200.00	310.00	Tốt	x	0	0	
Xã Đê Ar	36	0	2021	3.000.000.000	0	1,432.00	413,69	Tốt	x	0	0	
Xã Đak Trôi	42	0	2005	680.000.000	0	3502,6	244.00	Một số hạng mục xuống cấp, hư hỏng	x	0	x	Có GCN quyền SD đất

*Thư*



TÊN TRẠM Y TẾ	Cự ly từ TYT đến TTYT/BV gần nhất	Cơ bác sĩ định biên	Năm xây dựng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Diện tích đất (m2)	Diện tích nhà trạm (m2)	Hiện trạng nhà làm việc	Đề xuất đầu tư			Đảm bảo điều kiện về thủ tục pháp lý đất đai nếu xây mới
									Bổ sung TTB	Sửa chữa	Xây mới	
<b>HUYỆN ĐẮK ĐỎA</b>	<b>5</b>	<b>5</b>							<b>5</b>		<b>2</b>	
Xã Hải Yang	28	x	2023			2,688.00	0.00	Tốt	x	0	0	
Xã Hà Đông	52	x	2000	893,812,000		1,405.00	227.00	Xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	Xây mới tại vị trí đất mới	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
Xã Đăk Sơ Mei	25	x	2001	349,013,000		2,400.00	73.00	Xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	Xây mới tại vị trí đất mới	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
Xã Ia Băng	22	x	2023			2,142.00	0.00	Tốt	x	0	0	
Xã Ia Pét	26	x	2023			1,656.00	0.00	Tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN KRÔNG PA</b>	<b>5</b>	<b>5</b>							<b>5</b>		<b>2</b>	
Xã Ia Rmok	26	x		1,887,700	9,615	1,092.00	394.00	Xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	Xây mới tại vị trí đất mới	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
Xã Ia Hdreh	30	x		2,231,327	1,114,812	4,838.20	537.20	Xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	Xây mới tại vị trí đất hiện trạng	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
Xã Krông Năng	37	x		2,128,819	1,063,864	4,385.80	446.00	Tốt	x	0	0	
Xã Ia Rsai	21	x		1,294,257	804,002	2,914.20	346.00	Tốt	x	0	0	
Xã Đất Bằng	24	x	2015	2,995,399	1,413,999	1,767.00	360.00	Tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN KÔNG CHRO</b>	<b>4</b>	<b>2</b>							<b>4</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	
Xã Chơ Long	21	0	2010	622,000,000	41,176,400	3,432.90	195.00	Một số hạng mục hư hỏng	x	X	0	
Xã Đăk Sông	28	x	2018	2,062,436,000	1,237,049,112	2,653.30	315.00	Một số hạng mục hư hỏng	x	X	0	
Xã SRó	22		2024	380,734,66 USD		2,995.20	337.00	Tốt	x	0		Đang xây dựng
Xã Đăk Pling	40	x	2020	1,600,000,000	1,173,120,000	2,127.90	192.00	Tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN IA PA</b>	<b>4</b>	<b>4</b>							<b>4</b>		<b>1</b>	
6. Xã Ia Broái	20	x	2019	1,314,089,000	1,103,834,760	568.00	144.60	rot, một số hạng mục hư hỏng nhỏ đã được sửa chữa năm 2022	x	0	0	
7. Xã Ia Tul	24	x	2004	499,881,000	0	2,610.00	317.00	Tương đối tốt, một số hạng mục hư hỏng nhỏ đã được sửa chữa năm 2023	x	0	1	
8. Xã Chư Mố	29	x	2012	1,849,835,000	492,611,061	1,683.00	282.00	rot, một số hạng mục hư hỏng nhỏ đã được sửa chữa năm 2022	x	0	0	

*Handwritten signature*



TÊN TRẠM Y TẾ	Cự ly từ TYT đến TT/TT/BV gần nhất	Có bác sĩ định biên	Năm xây dựng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích nhà trạm (m <sup>2</sup> )	Hiện trạng nhà làm việc	Đề xuất đầu tư			Đảm bảo điều kiện về thủ tục pháp lý đất đai nếu xây mới
									Bổ sung TTB	Sửa chữa	Xây mới	
9. Xã Ia Kdăm	34	x	2017	2,136,000,000	1,623,360,000	6,300.00	286.30	Tốt, một số hạng mục hư hỏng nhỏ đã được sửa chữa năm 2023	x	0	0	
<b>HUYỆN PHÚ THIỆN</b>	<b>1</b>	<b>0</b>							<b>1</b>			
7. Xã Ia Yeng	21	0	2021	2,589,667,000	2,071,474,633		315.00	Tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN CHƯ PÁH</b>	<b>4</b>	<b>4</b>							<b>4</b>		<b>1</b>	
1. Xã Hà Tây	35	1	2020	2,380,581	1,904,227	2,396.00	315.00	tốt	x	0	0	
5. Xã Ia Phí	21	1	2006			1,500.00	131.00	tốt	x	0	0	
9. Xã Đăk Tơ Ver	26	1	2000			2,414.00	142.00	Nhiều hạng mục hư hỏng xuống cấp, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	x	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
13. Xã Ia Kreng	33	1	2011	1,576,258	314,621	1,400.00	303.00	tốt	x	0	0	
<b>HUYỆN KBANG</b>	<b>6</b>	<b>6</b>							<b>6</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
7. Xã Sơ Pài	20	1	2013	1,514,093,000	504,192,970	1,402.90	239.00	Đang sử dụng tốt	x	0	0	
8. Xã Krong	41	1	2015	950,000,000	447,925,000	1,082.00	124.00	Đang sử dụng tốt	x	x	0	
9. Xã Đăk Rong	50	1	2019	3,353,422,000	2,570,565,636	2,403.90	310.00	Đang sử dụng tốt	x	0	0	
10. Xã Kon PNe	80	1	2000	2,883,000,000			495.00	Xuống cấp	x	0	x	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
11. Xã Sơn Lang	30	1	2011	1,245,900,000	263,507,850	1,705.50	137.80	Đang sử dụng tốt	x	0	0	
13. Xã Đăk SMa	25	1	2016	900,000,000	479,790,000	4,575.40	205.00	Đang sử dụng tốt	x	0	0	0
<b>HUYỆN IAGRAI</b>	<b>6</b>	<b>6</b>							<b>6</b>		<b>1</b>	
1. Xã Ia Sao	29	x	2019	2,052,544,000	1,642,035,200	5,300.00	254.00	Tốt	x	0	0	0
7. Xã Ia Chiê	35	x	2003	1,251,638,000	0	4,599.80	320.00	Tốt	x	0	0	0
8. Xã Ia Krăi	26	x	2013	2,444,977,000	725,166,926	3,309.20	463.00	Tốt	x	0	0	0
9. Xã Ia Khai	32	x	2019	1,612,595,000	1,290,076,000	1,918.00	298.00	Tốt	x	0	0	0
10. Xã Ia O	48	x	2007	344,476,265	0	1,296.00	205.00	Tốt	x	0	0	0
12. Xã Ya Yok	25	x	2007	500,142,879	0	1,343.00	291.00	Xuống cấp, nhiều hạng mục hư hỏng, diện tích nhà trạm chật hẹp	x	0	Xây mới tại vị trí đất mới	Đã có dự án (Theo Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54</b>	<b>45</b>							<b>54</b>	<b>7</b>	<b>11</b>	(08 đã có dự án)

*Thư*



**PHỤ LỤC 4**  
**BÁO CÁO THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG Y SĨ THAM GIA LỚP ĐÀO TẠO BÁC SĨ**

Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
	<b>TOÀN TỈNH</b>	<b>305</b>	<b>129</b>	
<b>1</b>	<b>TX AN KHÊ</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	
1	Phường An Bình			
2	Phường An Phú	1	1	
3	Phường An Tân			
4	Phường Tây Sơn			
5	Phường An Phước			
6	Phường Ngô Mỹ	1	1	
7	Xã Thành An	2		
8	Xã Song An			
9	Xã Cửu An	1	1	
10	Xã Tú An			
11	Xã Xuân An			
<b>2</b>	<b>TX AYUN PA</b>	<b>8</b>		
1	Phường Cheo Reo	1		
2	Phường Đoàn Kết	1		
3	Phường Hoà Bình	1		
4	Phường Sông Bờ	1		
5	Xã Ia Rbol	1		
6	Xã Ia Sao	1		
7	Xã Chư Băh	1		
8	Xã Ia Rô	1		
<b>3</b>	<b>CHƯ PĂH</b>	<b>18</b>	<b>4</b>	
1	Khoa KB-HSCC-LCK	2		<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
2	Khoa NNN-YHCT-PHCN	1	1	<i>Đã học chuyển loại qua ĐD</i>
3	Phòng TCHC	1	1	<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
4	Xã Nghĩa Hòa	1		<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
5	Thị trấn Ia Ly	1		<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
6	Xã Chư Đăng Ya	1		
7	Xã Ia Khur			
8	Xã Hòa Phú	1		
9	Xã Nghĩa Hưng	2		<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
10	Xã Hà Tây			
11	Xã Ia Ka	3	1	
12	Xã Ia Nhin	1	1	<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
13	Xã Ia Phí	1		
14	Xã Ia Kreng	1		<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
15	Xã Đăk Tơ Ver	1		
16	Xã Ia Mơ Nông	1		<i>Đã học chuyển qua YTCC</i>
17	Thị trấn Phú Hòa			
<b>4</b>	<b>CHƯ PRONG</b>	<b>28</b>	<b>5</b>	

*Thư*



Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khoa, phòng</b>			
1	Phòng Tổ chức - Hành chính			
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính	1		
3	Phòng Điều dưỡng			
4	Phòng Dân số			
5	Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu			
6	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản - Liên chuyên khoa			
7	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm - Y học cổ truyền và phục hồi chức năng			
8	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế			
9	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh			
10	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS và An toàn thực phẩm	1		
11	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	1		
<b>II</b>	<b>Trạm Y tế</b>			
1	Trạm Y tế thị trấn Chư Prông	1		
2	Trạm Y tế xã Ia Drang	1	1	
3	Trạm Y tế xã Ia Kly	1		
4	Trạm Y tế xã Thăng Hưng	1		
5	Trạm Y tế xã Bình Giáo	2	1	
6	Trạm Y tế xã Bàu Cạn			
7	Trạm Y tế xã Ia Phìn	1		
8	Trạm Y tế xã Ia Bông	1	1	
9	Trạm Y tế xã Ia O	1		
10	Trạm Y tế xã Ia Púch	1		
11	Trạm Y tế xã Ia Bắg	2	2	
12	Trạm Y tế xã Ia Tôr	2		
13	Trạm Y tế xã Ia Bang	2		
14	Trạm Y tế xã Ia Vê	3		
15	Trạm Y tế xã Ia Me	1		
16	Trạm Y tế xã Ia Pia	1		
17	Trạm Y tế xã Ia Ga	2		
18	Trạm Y tế xã Ia Lâu			
19	Trạm Y tế xã Ia Pior	1		
20	Trạm Y tế xã Ia Mơ	1		
<b>5</b>	<b>CHU PƯH</b>	<b>8</b>	<b>4</b>	
1	TT Nhơn Hòa	1	1	

*Tra*



Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
2	Ia Le	1	1	
3	Ia Hnú	2	1	
4	IaDreng	2	1	
5	KSBT-HIV/AIDS	3	1	
6	<b>CHƯ SẾ</b>	<b>29</b>	<b>17</b>	
1	Trạm Y tế xã BarMaih	1	1	Bùi Thị Thu Trang
2	Trạm Y tế xã Bờ Ngoong	1	1	Đỗ Thị Tinh
3	Trạm Y tế xã Chư Pông	2	1	Rcom Niê Y Quang
4	Trạm Y tế xã Ia Tiêm	2		
5	Trạm Y tế xã Ia Glai	1	1	Kpã Thị Hồng Ánh Quyên
6	Trạm Y tế xã Ia H'Lốp	2		
7	Trạm Y tế xã Ia Ko	1	1	Phạm Thị Như Ngọc
8	Trạm Y tế xã Ia Blang	1	1	Bùi Khắc Hoài Liễu
9	Trạm Y tế xã Ia Pal	1	1	Nguyễn Thị Hà
10	Trạm Y tế xã Dun	2	1	Nguyễn Thị Xuân Hiền
11	Trạm Y tế xã H'Bông	1		
12	Trạm Y tế xã Ayun	1	1	Ksor Amép
13	Trạm Y tế xã ALBá	2	1	Nguyễn Đức Dũng
14	Trạm Y tế xã Kông H'Tok	2	2	Nguyễn Văn Thứ, Trần Thị Duyên
15	Trạm Y tế Thị trấn	2		
16	Khoa YHCT&PHCN	3	3	Đỗ Văn Bát, Đỗ Văn Thịnh, Nguyễn Anh Chung
17	Khoa KSBT-HIV/AIDS	2	1	Lê Quang Khởi
18	Khoa YTCC-DD-ATVSTP	2	1	A Lê Xuân Tinh
7	<b>ĐAK ĐOA</b>	<b>25</b>	<b>11</b>	
<b>I</b>	<b>Khoa, phòng</b>			
1	Phòng Tổ chức - Hành chính			
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính			
3	Phòng Điều dưỡng			
4	Khoa Khám bệnh			
5	Khoa cấp cứu - Hồi sức			
6	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm			
7	Khoa Y học cổ truyền - phục	3	2	
8	Khoa Ngoại - LCK			
9	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh			
10	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán			
11	Khoa Dược - Trang thiết bị -			
12	Phòng Dân số			
13	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HI	2		
14	Khoa An toàn thực phẩm			
15	Khoa Y tế công cộng và Dinh			
<b>II</b>	<b>Trạm Y tế</b>			
1	Trạm y tế thị trấn Đak Đoa.	1		
2	Trạm y tế xã H'Neng.	1		

*Tha*



Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
3	Trạm y tế xã Tân Bình.	1		
4	Trạm y tế xã K'Dang.			
5	Trạm y tế xã H'Nol.			
6	Trạm y tế xã Trang.	1	1	
7	Trạm y tế xã Hải Yang.	2		
8	Trạm y tế xã Hà Đông	1		
9	Trạm y tế xã Đak somei	1	1	
10	Trạm y tế xã Đak Krong	2	1	
11	Trạm y tế xã Kon Gang	1		
12	Trạm y tế xã Nam Yang	1	1	
13	Trạm y tế xã Hà Bầu	2	1	
14	Trạm y tế xã G'Lar	2	2	
15	Trạm y tế xã A Dơk	3	1	
16	Trạm y tế xã Ia Pết			
17	Trạm y tế xã Ia Băng	1	1	
<b>8</b>	<b>ĐAK PƠ</b>	<b>12</b>	<b>8</b>	
1	Trạm Y tế thị trấn Đak Pơ	2	2	
2	Trạm Y tế xã Hà Tam	2	1	
3	Trạm Y tế xã Cư An	1	1	
4	Trạm Y tế xã Tân An	2	1	
5	Trạm Y tế xã Phú An	1		
6	Trạm Y tế xã Yang Bắc	2	2	
7	Trạm Y tế xã Ya Hội	2	1	
8	Trạm Y tế xã An Thành			
<b>9</b>	<b>ĐỨC CƠ</b>	<b>15</b>	<b>7</b>	
<b>I</b>	<b>Khoa, phòng</b>			
1	Phòng Tổ chức - Hành chính			
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính			
3	Phòng Điều dưỡng			
4	Phòng Dân số			
5	Khoa Khám bệnh - LCK - Hồi sức cấp cứu			
6	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản			
7	Khoa YHCT - PHCN			
8	Khoa Nội - Nhi - nhiễm	2		
9	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế			
10	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh			
11	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/ AIDS	2	1	
12	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng, ATTP			
<b>II</b>	<b>Trạm Y tế</b>			

*Min*



Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
1	Thị trấn Chư Ty	1	1	
2	TYT Ia Lang	2	1	
3	TYT Ia Din			
4	TYT Ia Krêl	1	1	
5	TYT Ia Kriêng			
6	TYT Ia Dok	2	2	
7	TYT Ia Dom	1		
8	TYT Ia Nan	1		
9	TYT Ia Pnôn	1		
10	TYT Ia Kla	2	1	
<b>10</b>	<b>IA GRAI</b>	<b>19</b>		
1	Trạm Y tế thị trấn Ia Kha	1		
2	Trạm Y tế xã Ia Tô	1		
3	Trạm Y tế xã Ia Krai	1		
4	Trạm Y tế xã Ia Khai			
5	Trạm Y tế xã Ia O	2		
6	Trạm Y tế xã Ia Chia	1		
7	Trạm Y tế xã Ia Grăng	2		
8	Trạm Y tế xã Ia Bă	1		
9	Trạm Y tế xã Ia Hrun	2		
10	Trạm Y tế xã Ia Yok	1		
11	Trạm Y tế xã Ia Sao	1		
12	Trạm Y tế xã Ia Dêr	1		
13	Trạm Y tế xã Ia Pêch	1		
14	Khoa YTCC-DD-ATTP	2		
15	Khoa KSBT-HIV/AIDS	2		
<b>11</b>	<b>IA PA</b>	<b>16</b>	<b>3</b>	
<b>I</b>	<b>Khoa, phòng</b>	<b>3</b>		
1	Phòng Tổ chức - Hành chính			
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính			
3	Phòng Điều dưỡng			
4	Phòng Dân số			
5	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên khoa			
6	Khoa Hồi sức cấp cứu			
7	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm			
8	Khoa Ngoại TH			
9	Khoa CSSKSS			
10	Khoa YHCT - PHCN	1		
11	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế			
12	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh			
13	Khoa KSBT và HIV/AIDS	2		

*Nhan*



Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
<b>II</b>	<b>Trạm Y tế</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	
1	Xã Pờ Tó	1		
2	Xã Chư Răng	1		
3	Xã Kim Tân	1		
4	Xã Ia Mron	2		
5	Xã Ia Trok	2		
6	Xã Ia broai	2	2	
7	Xã Ia Tul	1	1	
8	Chư Mố	2		
9	Ia Kdam	1		
<b>12</b>	<b>KBANG</b>	<b>16</b>	<b>7</b>	
1	Khoa YHCT- PHCN	2	2	
2	Khoa Ngoại - LCK	1	1	Đang học Bác sĩ
3	Khoa KSBT	1		Lớn tuổi
4	TYT Sơn Lang	2	1	1 (CN ĐD đã học)
5	TYT Thị trấn	1		CN ĐD
6	TYT xã Đông	1		Lớn tuổi
7	TYT KonPne	2	1	1 (CN ĐD đã học)
8	TYT Krong	1	1	
9	TYT Nghĩa An	2	1	01 (Đang học YTCC)
10	TYT Đăk H Lơ	1		Lớn tuổi
11	TYT Kon P La	2		Lớn tuổi
<b>13</b>	<b>KÔNG CHRO</b>	<b>10</b>	<b>8</b>	
1	Trạm Y tế thị trấn Kông Chro	1	1	
2	Trạm Y tế xã Yang Trung	1	1	
3	Trạm Y tế xã An Trung	1	1	
4	Trạm Y tế xã Ya Ma	1	1	
5	Trạm Y tế xã Kông Yang	1	1	
6	Trạm Y tế xã Yang Nam	1	1	
7	Trạm Y tế xã Đăk Pơ Pho	2	1	
8	Trạm Y tế xã Đăk Pling	1	1	
9	Trạm Y tế xã Sró	1		
<b>14</b>	<b>KRÔNG PA</b>	<b>22</b>	<b>6</b>	
<b>I</b>	<b>Khoa, phòng</b>			
1	Khoa Nội-Nhi-Nhiễm	2	1	
2	Khoa Kiểm soát bệnh tật- HIV/AIDS	3		
<b>II</b>	<b>Trạm Y tế</b>			
1	TYT Thị trấn Phú Túc	1	1	
2	TYT Phú Cần			
3	TYT Chư Gu	1	1	
4	TYT Ia Rsum	1		
5	TYT Ia Dreh	1		
6	TYT Ia Mlah	2		
7	TYT Chư Drăng	1		

*Nm*



Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
8	TYT Ia Rmok	1		
9	TYT Ia Rsai	1		
10	TYT Uar	1		
11	TYT Chư Ngọc	2	1	
12	TYT Krông Năng	2	2	
13	TYT Chư Rcảm	1		
14	TYT Đất Bằng	2		
<b>15</b>	<b>MANG YANG</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	
<b>I</b>	<b>Khoa, phòng</b>			
1	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	1	
2	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	1		
<b>II</b>	<b>Trạm Y tế</b>			
1	Xã Kon Chiêng	2	2	
2	Xã Đăk Trôi	2	2	
3	Xã Đê Ar	1	1	
4	Xã Kon Thup	2	2	
5	Xã Lơ Pang	1	1	
6	Xã Đăk Răng	1	1	
7	Thị trấn Kon Dơng			
8	Xã Đăk Yă	1	1	
9	Xã Ayun	1	1	
10	Xã Đăk Jota	1	1	
11	Xã Đăk Taley	1	1	
12	Xã Hra	2	2	
<b>16</b>	<b>PHÚ THIÊN</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	
<b>I</b>	<b>Khoa, phòng</b>			
1	Phòng Tổ chức hành chính	1		Đang học CN Y tế công cộng
2	Phòng Kế hoạch nghiệp vụ			
3	Phòng Dân số - KHHGD			
4	Phòng Điều dưỡng			
5	Khoa Khám bệnh - Liên chuyên	3	3	
6	Khoa Hồi sức cấp cứu			
7	Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm			
8	Khoa Ngoại TH			
9	Khoa Chăm sóc SKSS			
10	Khoa Y học cổ truyền - PHCN	1	1	
11	Khoa Dược - TTB - VTYT			
12	Khoa Xét nghiệm - CDHA			
13	Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV	1	1	
14	Khoa Y tế công cộng - DD - A			
<b>II</b>	<b>Các trạm Y tế</b>			
1	Trạm y tế Xã Ia sol			
2	Trạm y tế xã Ia Yeng	2	2	

*Tham*



Stt	Khoa/phòng/Trạm y tế xã	Số y sĩ hiện có	Số y sĩ có khả năng tham gia lớp đào tạo liên thông bác sĩ	Ghi chú
3	trạm y tế xã Ia peng	1	1	
4	Trạm Y tế xã Chrôh Ponan	1	1	
5	Trạm y tế xã Ia Ake	1	1	
6	Trạm y tế xã Ia Hiao	1	1	
7	Trạm y tế Thị Trấn Phú Thiện	1	1	
8	Trạm y tế xã Ia Piar	1	1	
9	Trạm y tế xã Ayun hạ	1	1	
10	Trạm y tế xã Chư A Thai	1	1	
<b>17</b>	<b>PLEIKU</b>	<b>41</b>	<b>15</b>	
1	phường Chi Lăng	2	1	
2	phường Diên Hồng	1		
3	phường Đông Đa	1		
4	Phường Hoa Lư	2		
5	phường Hội Phú	2	1	
6	phường Hội Thương	2	2	
7	phường IaKring	2	1	
8	phường Phù Đổng	2		
9	phường Tây Sơn	2	2	
10	phường Thăng Lợi	1	1	
11	phường Thống Nhất	2		
12	phường Trà Bá	2	1	
13	phường Yên Đổ	1	1	
14	phường Yên Thế	2	1	
15	xã An Phú	1		
16	xã Biên Hồ	2	1	
17	xã Chư Á	1		
18	xã Diên Phú	1		
19	xã Gáo	2		
20	xã Ia Kênh	1		
21	Xã Tân Sơn	1	1	
22	xã Trà Đa	2		
23	Khoa KSBT&HIV/AIDS	6	2	

*Thư*